

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**  
**Nhiệm kỳ VI (2025 - 2030)**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BÌNH MINH**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP May Bình Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2026 số 13/2026/BB-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2026 của Công ty cổ phần may Bình Minh

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần may Bình Minh thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

| Các chỉ tiêu                   | Kế hoạch<br>2025 | Thực hiện<br>2025 | Tỷ lệ (%)<br>thực hiện<br>2025 / 2024 | Tỷ lệ (%)<br>TH 2025/<br>KH 2025 |
|--------------------------------|------------------|-------------------|---------------------------------------|----------------------------------|
| Tổng doanh thu (tỷ đồng)       | 330              | 299,09            | 106,91%                               | 90,63%                           |
| Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 18               | 19,2              | 116,75%                               | 106,67%                          |
| Chia cổ tức/ vốn điều lệ (%)   | 15%              | 15%               | 100%                                  | 100%                             |

+ Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.



2. Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập.

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

3. Thống nhất thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2026 giao Ban điều hành:

| Các chỉ tiêu                   | Kế hoạch 2026 |
|--------------------------------|---------------|
| Tổng doanh thu (tỷ đồng)       | 330           |
| Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 18            |
| Chia cổ tức                    | 15%           |

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

4. Thống nhất thông qua Báo cáo tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Ban kiểm soát nội bộ.

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

5. Thống nhất thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 với các chỉ tiêu như sau:

|                                      |   |                     |
|--------------------------------------|---|---------------------|
| - Lợi nhuận trước thuế năm 2025      | : | 19.212.267.076 đồng |
| - Thuế TNDN năm 2025                 | : | 3.879.614.617 đồng  |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN            | : | 15.332.652.459 đồng |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển 10%    | : | 1.533.265.246 đồng  |
| - Trích quỹ khen thưởng 5%           | : | 766.632.623 đồng    |
| - Trích quỹ phúc lợi 5%              | : | 766.632.623 đồng    |
| - Chia cổ tức bằng tiền mặt 15 % VDL | : | 7.938.000.000 đồng  |
| - Lợi nhuận còn lại chưa phân phối   | : | 4.328.121.967 đồng  |

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2025: 4.328.121.967 đồng được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển Công ty.

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

6. Thống nhất giao Ban Điều hành thực hiện phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 trước 31/5/2026.

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

7. Thống nhất thông qua chi phí hoạt động, thù lao của: HĐQT, Ban kiểm soát nội bộ, Thư ký HĐQT, Ban quan hệ Cổ đông cho năm 2025: {0,3% x Doanh thu thực hiện theo NQ: 50/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2025 (mục 7) của ĐHĐCĐ- NK VI (2025-2030)}

Mức chi:  $0,3\% \times 299.093.371.012đ \Leftrightarrow 897.280.000$  đồng.

8. Ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026, giao Ban Điều hành triển khai thực hiện việc kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

8.1/ Thông qua các tiêu chí lựa chọn đã trình trước Đại hội.



8.2/ Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập cho Công ty năm 2026:

- Công Ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam (AFC)
- Công Ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS).
- Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Thẩm Định Giá Việt Nam (AVA).
- Công ty TNHH Kiểm toán NVA (NVA)

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

9. Thống nhất bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty theo quy định (nội dung chi tiết đính kèm tại Phụ lục 1); giao Ban Điều hành triển khai thực hiện điều chỉnh với cơ quan Nhà nước đúng quy định.

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội*

10. Thống nhất miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 đối với Bà **Hồ Đặng Ngọc Diễm**

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

11. Thống nhất bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 đối với Bà **Nguyễn Thị Anh Thư**

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

12. Thống nhất thông qua Chủ tịch HĐQT được kiêm Tổng giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (giai đoạn 2026-2027)

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 2:** Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty cổ phần may Bình Minh thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/04/2026. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành có trách nhiệm triển khai thực hiện nghị quyết này./.



*Võ Quốc Hào*



## PHỤ LỤC I

(Đính kèm Nghị quyết số 14/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP May Bình Minh)

### I. NỘI DUNG BỔ SUNG, SỬA ĐỔI NGÀNH NGHỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

| STT | Ngành nghề kinh doanh trước điều chỉnh                                                                                        | Mã ngành trước điều chỉnh | Ngành nghề kinh doanh bổ sung, sửa đổi                                                                                              | Mã ngành sau điều chỉnh | Ghi chú                    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|
| 1   | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: tư vấn xây dựng                                              | 7110                      | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác   | 7110                    | Điều chỉnh theo QĐ 36/2025 |
| 2   | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng                                                                               | 4312                      | Chuẩn bị mặt bằng.<br>Chi tiết: Chuẩn bị mặt bằng                                                                                   | 4312                    | ...nt...                   |
| 3   | Khai thác quặng sắt<br>Chi tiết: Khai thác quặng                                                                              | 0710                      | Khai thác quặng sắt<br>Chi tiết: Khai thác quặng sắt                                                                                | 0710                    | ...nt...                   |
| 4   | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.<br>Chi tiết: Khai thác đất, đá, cát                                                          | 0810                      | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.<br>Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                       | 0810                    | ...nt...                   |
| 5   | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: dịch vụ bốc xếp hàng hóa                                                                        | 5224                      | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông, cảng hàng không và loại khác           | 5224                    | ...nt...                   |
| 6   | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.<br>Chi tiết: Bảo quản, chế biến hải sản (không hoạt động tại trụ sở) | 1020                      | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.<br>Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản khô, đông lạnh, nước mắm và các | 1020                    | ...nt...                   |



|    |                                                                                                                                                            |      |                                                                                                                                  |      |          |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
|    |                                                                                                                                                            |      | sản phẩm khác từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)                                                                           |      |          |
| 7  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Chi tiết: sản xuất, chế biến thực phẩm (trừ thực phẩm tươi sống)                                        | 1010 | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Chi tiết: chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt (trừ thực phẩm tươi sống) | 1010 | ...nt... |
| 8  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.<br>Chi tiết: dịch vụ giới thiệu việc làm                            | 7810 | Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm.<br>Chi tiết: Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm                    | 7810 | ...nt... |
| 9  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>Chi tiết: bảo quản, chế biến các loại lâm sản (không hoạt động tại trụ sở)                                               | 1610 | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>Chi tiết: Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở)                          | 1610 | ...nt... |
| 10 | Chế biến và bảo quản rau quả<br>Chi tiết: bảo quản, chế biến sau thu hoạch các loại nông sản (không hoạt động tại trụ sở)                                  | 1030 | Chế biến và bảo quản rau quả<br>Chi tiết: chế biến và bảo quản rau quả khác (không hoạt động tại trụ sở)                         | 1030 | ...nt... |
| 11 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.<br>Chi tiết: nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất các mặt hàng dệt may | 4659 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày       | 4659 | ...nt... |



|    |                                                                                                                                               |      |                                                                                                                                                                             |      |          |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
| 12 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.<br>Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô                                                            | 4933 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng                                                                                         | 4933 | ...nt... |
| 13 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở công ty)                                              | 5510 | Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự<br>Chi tiết: Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở công ty)                                               | 5510 | ...nt... |
| 14 | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy (không hoạt động tại trụ sở) | 1709 | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở) | 1709 | ...nt... |
| 15 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) ( <b>Ngành nghề kinh doanh chính</b> )<br>Chi tiết: sản xuất các sản phẩm dệt may              | 1410 | Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) ( <b>Ngành nghề kinh doanh chính</b> )<br>Chi tiết: Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                 | 1410 | ...nt... |
| 16 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính – kế toán)                         | 6619 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu                                            | 6619 | ...nt... |
| 17 | Xây dựng công trình đường sắt<br>Chi tiết: xây dựng công trình giao thông                                                                     | 4211 | Xây dựng công trình đường sắt<br>Chi tiết: Xây dựng công trình đường sắt.                                                                                                   | 4211 | ...nt... |



|    |                                                                                                                                                                                                                                          |      |                                                                                                                                                         |      |                                        |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------------------------|
| 18 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp                                                                                                                                        | 4299 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                      | 4299 | ...nt...                               |
| 19 | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: xây dựng công trình giao thông                                                                                                                                                                 | 4212 | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ                                                                                  | 4212 | ...nt...                               |
| 20 | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: kinh doanh các sản phẩm dệt may, xuất khẩu các sản phẩm dệt may, mua bán vải, giày dép, thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn, hàng may mặc, hàng da và giả da, túi, ví | 4641 | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn vải, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc, giày, dép. | 4641 | ...nt...                               |
| 21 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu.<br>Chi tiết: Môi giới thương mại                                                                                                                                | 7490 | Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán.<br>Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa; Môi giới chứng khoán; Môi giới khác                                 | 6612 | Thay đổi mã ngành nghề theo QĐ 36/2025 |
| 22 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: mua bán vật liệu xây dựng                                                                                                                                           | 4663 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                            | 4673 | ...nt...                               |
| 23 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán phân bón, hóa                                                                                                                                                     | 4669 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ                                                              | 4679 | ...nt...                               |



|    |                                                                                                                                                   |      |                                                                                                                                                                                                                 |      |                                          |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------|
|    | chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh)                                                                                                          |      | loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu |      |                                          |
| 24 | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Bán mô tô, xe máy                                                                                                  | 4541 | Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                | 4663 | ...nt...                                 |
| 25 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                               | 4511 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn ô tô (trừ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác                                    | 4661 | ...nt...                                 |
| 26 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Sửa chữa, ô tô, xe máy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) | 4520 | Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác.                                                                                                     | 9531 | ...nt...                                 |
| 27 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: mua bán sắt, thép                                                                                | 4662 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                             | 4672 | ...nt...                                 |
| 28 | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ                                                                                | 7990 | Hoạt động liên quan đến du lịch khác<br>Chi tiết: Hoạt động liên quan đến du                                                                                                                                    | 7990 | Mục A.25 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ- |



|    |                                                                                                                                                                                                         |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |                                                            |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------|
|    | chức tour du lịch<br>Chi tiết: kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa, quốc tế                                                                                                                      |      | lịch khác ( <i>không kinh doanh dịch vụ lữ hành</i> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      | CP ngày<br>26/03/2021                                      |
| 29 | Bưu chính.<br>Chi tiết: đại lý dịch vụ bưu chính, viễn thông                                                                                                                                            | 5310 | Bưu chính.<br>Chi tiết: Bưu chính ( <i>không thực hiện dịch vụ bưu chính công ích</i> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5310 | Mục A.13 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 |
| 30 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Mua bán đồ dùng gia đình, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, túi, ví, hàng điện tử, điện gia dụng. | 4649 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn đồ điện gia dụng.                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4649 | Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 |
| 31 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.<br>Chi tiết: kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà ở, cho thuê kho bãi                                         | 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.<br>Chi tiết: Mua bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê vận hành nhà ở và đất ở; Cho thuê và vận hành nhà và đất không để ở; Kinh doanh bất động sản khác ( <i>Không đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng</i> ) | 6810 | Mục A.7 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021  |



## II. NỘI DUNG XÓA BỎ NGÀNH NGHỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

| STT | Ngành nghề kinh doanh đề nghị xóa bỏ                                                                                                                                                              | Mã ngành | Lý do pháp lý                                             | Ghi chú                                                                   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Khai thác gỗ<br>Chi tiết: Khai thác rừng trồng                                                                                                                                                    | 0220     | Mục A.23 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 | <i>Nhà đầu tư nước ngoài chưa được phép tiếp cận đầu tư</i>               |
| 2   | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: đại lý ký gửi hàng hóa, dịch vụ đấu giá tài sản                                                                                                   | 4610     | Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 | <i>Nhà đầu tư nước ngoài chưa được phép tiếp cận đầu tư</i>               |
| 3   | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác | 4620     | Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 | <i>Nhà đầu tư nước ngoài chưa được quyền phân phối lúa, thóc, ngũ cốc</i> |



Số: 13/2026/BB-ĐHĐCĐ



**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**  
**Nhiệm kỳ VI (2025 - 2030)**

**Tên tổ chức:** CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BÌNH MINH

**Trụ sở chính:** 440 Nơ Trang Long, P. Bình Lợi Trung TP.HCM.

**Giấy chứng nhận ĐKDN:** số 0301886832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 09/11/1999 (Đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 07/05/2019).

Hôm nay ngày 25 tháng 04 năm 2026, vào lúc 8h00' tại Công ty cổ phần may Bình Minh, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 nhiệm kỳ VI (2025-2030) được tiến hành với các nội dung sau:

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**\*Báo cáo thẩm tra tư cách Đại biểu cổ đông tham dự đại hội:**

Ban tổ chức giới thiệu Ông Nguyễn Đình Thắng – Trưởng ban Kiểm tra tư cách đại biểu công bố kết quả kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông và đại diện cổ đông dự họp như sau:

- Tổng số cổ đông theo danh sách công ty chốt đến ngày 02/04/2026 do VSDC cung cấp là 364 cổ đông tương ứng với 5.292.000 cổ phần.
- Thực tế hiện diện là 68 cổ đông (sở hữu và ủy quyền), đại diện cho 5.009.302 cổ phần chiếm tỷ lệ 94,66% vốn điều lệ;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty thì việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 là hợp lệ.



*Handwritten signature or mark.*



## PHẦN THỨ HAI

### BẦU ĐOÀN CHỦ TỊCH, ĐOÀN THƯ KÝ

Ông Vũ Đình Nghĩa thay mặt cho Ban tổ chức Đại hội tuyên bố lý do, dự kiến Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký và lấy biểu quyết của Đại hội gồm:

#### 1. Đoàn Chủ tịch Đại hội:

- |                        |                   |                 |
|------------------------|-------------------|-----------------|
| - Ông Võ Quốc Hào      | - Chủ tịch HĐQT   | - Chủ tịch đoàn |
| - Ông Hồ Thanh Lâm     | - Thành viên HĐQT | - Ủy viên       |
| - Bà Vũ Thị Thùy Dương | - Thành viên HĐQT | - Ủy viên       |

#### 2. Đoàn Thư ký Đại hội:

- |                          |                   |               |
|--------------------------|-------------------|---------------|
| - Ông Nguyễn Minh Tuấn   | - Trưởng ban QHCD | - Trưởng đoàn |
| - Bà Nguyễn Thị Bích Đào | - Văn phòng CTy   | - Ủy viên     |

Đại hội thống nhất thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2026 nhiệm kỳ VI (2025-2030) với tỷ lệ biểu quyết đạt 100%.

## PHẦN THỨ BA

### PHẦN LÀM VIỆC CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH

#### I. Nội dung làm việc:

Ông Hồ Thanh Lâm thông qua nội dung:

##### I.1. Thông qua nội dung chương trình Đại hội:

Ông Hồ Thanh Lâm – thay mặt Đoàn Chủ tịch thông qua các nội dung, chương trình của Đại hội gồm:

1. Thông qua chương trình đại hội, thông qua quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và phương hướng năm 2026 của HĐQT.
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình tài chính và hoạt động SX-KD năm 2025.
4. Các tờ trình của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026
5. Đại hội thảo luận - Giải đáp thắc mắc của cổ đông.
6. Biểu quyết thông qua những nội dung chính của đại hội.
7. Thông qua nghị quyết và biên bản đại hội.

***Đại hội biểu quyết thống nhất thông qua: 100%***

Ông Hồ Thanh Lâm: Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội



## **I.2. Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026:**

(Chi tiết theo bộ Tài liệu Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần may Bình Minh thường niên năm 2026 đã gửi cho từng Quý cổ đông).

**Đại hội biểu quyết thống nhất thông qua: 100%**

Ông Võ Quốc Hào trình bày:

## **I.3. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025:**

### **1.3.1. Một số điểm đạt được trong công tác điều hành năm 2025:**

Căn cứ chỉ tiêu giao kế hoạch năm 2025 được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/04/2025. Với sự sát sao chỉ đạo quyết liệt của HĐQT và nỗ lực của Ban Điều hành, dù có nhiều khó khăn nhưng kết quả thực hiện năm 2025 có kết quả khả quan, cụ thể:

- Doanh thu : **299,09 tỷ** (90,63% so với KH; 106,90% so với TH 2024)
- Lợi nhuận : **19,20 tỷ** (106,70% so với KH; 116,75% so với TH 2024)

Doanh thu sản xuất kinh doanh năm 2025 tuy chỉ đạt 90,63% so với kế hoạch năm 2025 nhưng đạt 106,91% so với thực hiện năm 2024, cụ thể:

- Hàng FOB tăng 103,28% so với năm 2024; hàng gia công tăng 134,67%; Doanh thu cả năm của Công ty đạt 106,91% so với năm 2024. Một số nguyên nhân cơ bản sau:

- + Tiếp nhận được các đơn hàng phù hợp năng lực sản xuất của công ty.
  - + Lực lượng lao động biến động không đáng kể (598/610, 98%).
  - Trong năm 2025 thu nhập cho người lao động tăng 20,8% cho toàn hệ thống.
- Lợi nhuận thực hiện năm 2025 đạt 106,70 % so với KH và 116,75 % so với năm 2024 phần lớn đến từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là chính. Hoạt động tài chính và thu nhập khác giảm so với năm 2024 do hiện công ty đang triển khai xây dựng nhà máy mới tại Cần Thơ.

Nhìn chung năm 2025 có nhiều thuận lợi hơn so với 2024, nguồn hàng đáp ứng đầy đủ cho sản xuất. Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, cùng nỗ lực của BDH đã có nhiều giải pháp, kích bản linh hoạt trong từng thời điểm, phù hợp năng lực sản xuất, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, chi phí hoạt động của công ty, giảm/giảm các chi phí đầu tư, sửa chữa chưa cần thiết, cấp bách ... nên kết quả hoạt động SX-KD năm 2025 lợi nhuận vượt chỉ tiêu đề ra.

### **1.3.2 Đánh giá của HĐQT về công tác điều hành :**

- HĐQT đánh giá cao các nỗ lực của Ban Điều hành trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh trong năm 2025. Trong bối cảnh hết sức khó khăn về lực lượng lao động (lớn tuổi, nghỉ chế độ, không có nguồn bổ sung), nhưng Ban Điều hành Bình Minh vẫn đảm bảo hoạt động SX-KD ổn định, giao hàng đúng kế hoạch đề ra. Kết quả đạt được là rất đáng biểu dương, đặc biệt là vượt chỉ tiêu Lợi nhuận.



- Hạn chế lớn nhất hiện nay của Bình Minh là :
  - + Năng lực sản xuất mỏng, người lao động lớn tuổi không đảm bảo thực hiện các đơn hàng lớn, đơn hàng nhanh ... đáp ứng yêu cầu thị trường ngày càng khắc khe.
  - + Cơ sở sản xuất hiện nay manh mún, thiếu các tiêu chuẩn theo quy chuẩn quốc tế ... để thực hiện các đơn hàng có giá trị gia tăng cao.

=> Yêu cầu Ban Điều hành :

- Có giải pháp qui hoạch tổng thể các khu vực sản xuất của công ty, phân tích hiệu quả hoạt động từng khu vực để từ đó đề ra giải pháp trình Hội đồng quản trị phê duyệt thực hiện (nội dung này đã triển khai dứt điểm năm 2025 nên có hiệu quả nhất định về năng suất LĐ, thu nhập cho NLĐ).

- Tập trung cao độ về nguồn lực cho việc triển khai nhà máy mới tại Hậu Giang nay là Cần Thơ (nội dung này BDH đang triển khai theo tiến độ của HĐQT giao, dự kiến tháng 5/26 hoạt động SX thử nghiệm các đơn hàng nhỏ cho xuất khẩu...)

- Chuyển nhanh công nghệ số trong quản trị và điều hành sản xuất (nội dung này BDH đang triển khai, do cần cân nhắc quy mô, chi phí phù hợp, năng lực cán bộ, người lao động ...) HĐQT đang cân nhắc sẽ quyết định thời điểm phù hợp cho Công ty.

#### I.4. Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

Ông Võ Quốc Hào giới thiệu hiện trạng cơ sở vật chất các đơn vị: Xí nghiệp Minh Hà, Xí nghiệp Minh Hải, Chi nhánh Khu B, Xí nghiệp Minh Long và Trụ sở chính.

Và một số định hướng đối với xí nghiệp Minh Long, cần đi vào chiều sâu, phân khúc khách hàng FOB để tăng trưởng tốt về lâu dài.

##### Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2026:

| TT  | Chỉ tiêu chủ yếu     | Kế hoạch năm 2026 | %/thực hiện 2025 |
|-----|----------------------|-------------------|------------------|
| I   | Tổng doanh thu       | 330               | 110%             |
| II  | Lợi nhuận trước thuế | 18                | 95%              |
| III | Cổ tức / VĐL ( %)    | 15                | 100%             |

*Chỉ tiêu này đã xem xét tác động do hỗ trợ nhà máy mới đi vào hoạt động*

##### I.4.1. Nhiệm vụ của năm 2026:

Một số nhiệm vụ chính cho năm như sau:

- Tập trung triển khai xây dựng và đưa nhà máy mới tại Cần Thơ đi vào hoạt động trong thời gian sớm nhất (Quý 3/2026). Đây là dự án trọng tâm, then chốt để mở rộng quy mô sản xuất, tăng số lượng lao động trong điều kiện hiện nay của các



cơ sở sản xuất hiện hữu của công ty gặp quá nhiều khó khăn về: cơ sở pháp lý nhà xưởng (Hải Phòng); Hà Nội, Khu B, tuyển dụng lao động, sản xuất manh mún, nguồn hàng nhỏ lẻ, thiếu ổn định, kế hoạch ngắn hạn ...

- Tập trung toàn lực cho công tác tuyển dụng lao động, đào tạo lao động; tìm kiếm nguồn hàng cho nhà máy mới sớm đi vào hoạt động theo kế hoạch đề ra. Công tác điều động, luân chuyển cán bộ quản lý được chú trọng để đạt kết quả cao trong sản xuất.

- Củng cố và duy trì năng lực sản xuất hiện có đối với các cơ sở sản xuất hiện hữu; tìm giải pháp tăng NSLĐ nhằm nâng cao thu nhập và chăm lo cho người lao động. Các đơn vị sản xuất sắp xếp sản xuất, linh hoạt, thích ứng nhanh đối với việc thay đổi nguồn hàng truyền thống.

- Qui hoạch tổng thể các khu vực sản xuất, tìm giải pháp đầu tư hiệu quả để khai thác quỹ đất chưa sử dụng: Khu B (TP.HCM trước đây là TP.Dĩ An-Bình Dương). CN Hà Nội (Minh Hà).

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số tiên tiến vào chuyên môn cũng như trong sản xuất.

- Tiếp tục duy trì thương hiệu Gendai trong thị trường nội địa. Tăng cường mở rộng kênh bán hàng online để tăng nhận diện thương hiệu.

#### **1.4.2. Một số giải pháp chính trong tổ chức thực hiện:**

##### **Lấy trọng tâm phát triển năng lực sản xuất tại nhà máy mới – Cần Thơ.**

- Thực hiện dự án đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư thiết bị công nghệ cao theo mô hình Nhà máy Xanh, sử dụng năng lượng tái tạo đáp ứng xu thế phát triển chung của thế giới, của quốc gia, của ngành với tiêu chí: tăng năng suất lao động – tiết kiệm – hiệu quả.

- Tập trung cao độ cho công tác tuyển dụng, đào tạo lao động tại nhà máy mới. Phối kết hợp đào tạo với Trung Tâm Giáo dục nghề nghiệp & Giáo dục thường xuyên địa phương; với Trường Cao đẳng nghề TP.HCM, luân chuyển cán bộ khung từ các khu vực khác hỗ trợ tăng cường ... nhằm đảm bảo đủ nguồn nhân lực, đủ khả năng vận hành ổn định khi nhà máy mới đi vào hoạt động.

- Tiếp tục tập trung nghiên cứu: thị trường; định hướng về giải pháp quản trị hệ thống linh hoạt, bắt kịp xu thế chuyển dịch thị trường và tình hình khách hàng, cơ cấu mặt hàng chủ lực từng giai đoạn, từng nhà máy. Chuyển đổi nhanh sản phẩm sản xuất, sẵn sàng thích ứng linh hoạt mọi tình huống với sản phẩm mới; nâng cao năng suất từ 5-10% bên cạnh chất lượng phải duy trì, khẳng định chất lượng của Công ty với uy tín vốn có.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng công nghệ số trong công tác quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh, cải tiến phương pháp làm việc, tiết kiệm chi phí, nguồn nhân lực, trẻ hóa đội ngũ cán bộ quản lý ... tạo sự đột phá mới toàn diện trong mọi hoạt động của Công ty. Thí điểm từ Nhà máy mới, sau khi ổn định vận hành thì tiếp tục tiến hành thay thế quy trình cũ tại các đơn vị hiện hữu nhằm giảm tối đa nguồn nhân lực các khâu gián tiếp.

*20/11*



- Hoàn thiện công tác quản trị rủi ro, nhận diện rủi ro và có các biện pháp dự phòng rủi ro trong hoạt động tài chính.

- Tập trung quy hoạch chỉnh trang các khu vực (*chủ yếu trong năm 2026*), khai thác hiệu quả quỹ đất trống để tăng doanh thu.

+ Khu A (440 Nơ Trang Long –TPHCM): hoàn thiện Hệ thống xử lý nước thải (theo tiêu chuẩn và quy định nhà nước), Nhà ăn CBCNV, Khu vực để xe ... sau khi trả mặt bằng xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (*nhà ăn, nhà xe, bể xử lý nước thải... hiện hữu*).

+ Tiếp tục đàm phán, tranh thủ sự giúp đỡ của chính quyền địa phương tại Hải Phòng (XN Minh Hải); về việc gia hạn nhà máy sản xuất tại vị trí hiện hữu (*chưa di dời sang Khu Công nghiệp*) nhằm hạn chế sự bất ổn cho SX và tăng chi phí chưa cần thiết.

+ Tiếp tục hoàn thiện pháp lý gia hạn thuê đất tại Minh Hà (CN Hà Nội). Khi có quyết định gia hạn thuê đất thì BDH sẽ báo cáo HĐQT, ĐHĐCĐ giải pháp tiếp theo về việc khai thác quỹ đất nói trên (*tại lần ĐH kỳ tới hoặc lấy ý kiến bằng văn bản*).

+ Tiếp tục tìm đối tác, đàm phán, tính toán hiệu quả khai thác tối đa quỹ đất chưa sử dụng tại Khu B. BDH sẽ báo cáo HĐQT, ĐHĐCĐ theo Điều lệ quy định khi có giải pháp, phương án hiệu quả nhất (*tại lần ĐH kỳ tới hoặc lấy ý kiến bằng văn bản*).

- Duy trì văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc đoàn kết, thân thiện, hiệu quả, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của nhà nước.

- Tiếp tục lan tỏa thương hiệu Gendai tại nhiều trung tâm thương mại ở các thành phố lớn, tập trung các giải pháp truyền thông, bán hàng qua mạng... để ổn định, phát triển thương hiệu.

***Đại hội biểu quyết thống nhất thông qua nội dung báo cáo: 100%***

Ông Nguyễn Đình Thắng trình bày:

### **1.5. Báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động SX-KD năm 2025 của Ban kiểm soát .**

- Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025.

- Tình hình tài chính năm 2025.

- Tình hình vốn điều lệ và cổ đông.

- Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

- Những kiến nghị của Ban kiểm soát.

- Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát.

- Kế hoạch của Ban kiểm soát niên độ 2026.

***Đại hội biểu quyết thống nhất thông qua: 100%***



## 1.6. Các tờ trình của Hội đồng quản trị thông qua Đại hội

Bà Vũ Thị Thùy Dương trình bày:

- Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua: Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán – Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 – Chi phí, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký HĐQT và Ban quan hệ cổ đông – Chọn đơn vị Kiểm toán độc lập BCTC năm 2026.

**Đại hội biểu quyết thống nhất thông qua: 100%**

Ông Võ Quốc Hào trình bày:

- Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua: Điều chỉnh ngành nghề hoạt động sản xuất – kinh doanh của công ty.

**Đại hội biểu quyết thống nhất thông qua: 100%**

- Tờ trình ĐHĐCĐ Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030.

+ Miễn nhiệm bà Hồ Đặng Ngọc Diễm

+ Bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Anh Thư

**Đại hội biểu quyết thống nhất thông qua: 100%**

- Tờ trình Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng Giám Đốc điều hành hoạt động công ty.

**Đại hội biểu quyết thống nhất thông qua: 100%**

### PHẦN THỨ NĂM

### PHẦN BIỂU QUYẾT CHUNG TẠI ĐẠI HỘI

- Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua nội dung Nghị quyết của Đại hội (do Ông Võ Quốc Hào đọc) gồm:

#### 1. Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động SX-KD năm 2025:

| Các chỉ tiêu                   | Kế hoạch 2025 | Thực hiện 2025 | Tỷ lệ (%) thực hiện 2025 / 2024 | Tỷ lệ (%) TH 2025/ KH 2025 |
|--------------------------------|---------------|----------------|---------------------------------|----------------------------|
| Tổng doanh thu (tỷ đồng)       | 330           | 299,09         | 106,91%                         | 90,63%                     |
| Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 18            | 19,2           | 116,75%                         | 106,7%                     |
| Chia cổ tức/ vốn điều lệ (%)   | 15%           | 15%            | 100%                            | 100%                       |

+ Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội



**2. Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập.**

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**3. Thống nhất thông qua chỉ tiêu kế hoạch SX-KD năm 2026 giao cho Ban điều hành:**

| Các chỉ tiêu                   | Kế hoạch 2026 |
|--------------------------------|---------------|
| Tổng doanh thu (tỷ đồng)       | 330           |
| Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 18            |
| Chia cổ tức                    | 15            |

*Chỉ tiêu này không xem xét tác động do thực hiện nhà máy mới*

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội*

**4. Thống nhất thông qua Báo cáo tình hình tài chính và hoạt động SX-KD năm 2025 của Ban kiểm soát nội bộ.**

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội*

**5. Thống nhất thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:**

|                                      |   |                     |
|--------------------------------------|---|---------------------|
| - Lợi nhuận trước thuế năm 2025      | : | 19.212.267.076 đồng |
| - Thuế TNDN năm 2025                 | : | 3.879.614.617 đồng  |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN            | : | 15.332.652.459 đồng |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển 10%    | : | 1.533.265.246 đồng  |
| - Trích quỹ khen thưởng 5%           | : | 766.632.623 đồng    |
| - Trích quỹ phúc lợi 5%              | : | 766.632.623 đồng    |
| - Chia cổ tức bằng tiền mặt 15 % VDL | : | 7.938.000.000 đồng  |
| - Lợi nhuận còn lại chưa phân phối   | : | 4.328.121.967 đồng  |

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2025: 4.328.121.967 đồng được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển Công ty.

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**6. Thống nhất giao Ban Điều hành thực hiện phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 trước 31/5/2026.**

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*



**7. Thống nhất thông qua chi phí, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nội bộ, Thụ ký HĐQT và Ban quản hệ cổ đông: {0.3% x Doanh thu thực hiện theo NQ: 50/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2025 (mục 7) của ĐHĐCĐ- NK VI (2025-2030)}**

Mức chi:  $0,3\% \times 299.093.371.012đ \Leftrightarrow 897.280.000$  đồng.

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**8. Ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026, giao Ban Điều hành triển khai thực hiện việc kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.**

8.1/ Thông qua các tiêu chí lựa chọn đã trình trước Đại hội.

8.2/ Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập cho Công ty năm 2026:

- Công Ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam (AFC)
- Công Ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS).
- Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Thẩm Định Giá Việt Nam (AVA).
- Công ty TNHH Kiểm toán NVA (NVA)

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**9. Thống nhất bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty theo quy định (nội dung chi tiết đính kèm tại Phụ lục 1); giao Ban Điều hành triển khai thực hiện điều chỉnh với cơ quan Nhà nước đúng quy định.**

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**10. Thống nhất miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 đối với Bà Hồ Đặng Ngọc Diễm.**

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**11. Thống nhất bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 đối với Bà Nguyễn Thị Anh Thư.**

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**12. Thống nhất thông qua Chủ tịch HĐQT được kiêm Tổng giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (giai đoạn 2026-2027).**

+ *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*



**PHẦN THỨ SÁU**  
**THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI**

- Ông Nguyễn Minh Tuấn thay mặt Ban thư ký đọc biên bản của Đại hội.
- Biên bản này được thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực và đọc trước Đại hội. Đại hội đã biểu quyết nhất trí thông qua toàn bộ nội dung biên bản. Tỷ lệ biểu quyết 100%
- Biên bản được lập vào lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày.

**Thư ký 1**



**Nguyễn Minh Tuấn**

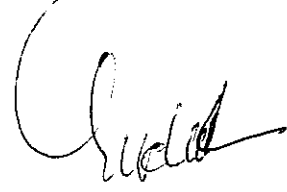
**Thư ký 2**



**Nguyễn Thị Bích Đào**

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Chủ tọa đại hội**



**Võ Quốc Hào**



## PHỤ LỤC I

(Đính kèm Biên bản số 13/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP May Bình Minh)

### I. NỘI DUNG BỔ SUNG, SỬA ĐỔI NGÀNH NGHỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

| STT | Ngành nghề kinh doanh trước điều chỉnh                                                                                        | Mã ngành trước điều chỉnh | Ngành nghề kinh doanh bổ sung, sửa đổi                                                                                              | Mã ngành sau điều chỉnh | Ghi chú                    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|
| 1   | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: tư vấn xây dựng                                              | 7110                      | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác   | 7110                    | Điều chỉnh theo QĐ 36/2025 |
| 2   | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng                                                                               | 4312                      | Chuẩn bị mặt bằng.<br>Chi tiết: Chuẩn bị mặt bằng                                                                                   | 4312                    | ...nt...                   |
| 3   | Khai thác quặng sắt<br>Chi tiết: Khai thác quặng                                                                              | 0710                      | Khai thác quặng sắt<br>Chi tiết: Khai thác quặng sắt                                                                                | 0710                    | ...nt...                   |
| 4   | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.<br>Chi tiết: Khai thác đất, đá, cát                                                          | 0810                      | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.<br>Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                       | 0810                    | ...nt...                   |
| 5   | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: dịch vụ bốc xếp hàng hóa                                                                        | 5224                      | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông, cảng hàng không và loại khác           | 5224                    | ...nt...                   |
| 6   | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.<br>Chi tiết: Bảo quản, chế biến hải sản (không hoạt động tại trụ sở) | 1020                      | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.<br>Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản khô, đông lạnh, nước mắm và các | 1020                    | ...nt...                   |



|    |                                                                                                                                                            |      |                                                                                                                                  |      |          |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
|    |                                                                                                                                                            |      | sản phẩm khác từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)                                                                           |      |          |
| 7  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Chi tiết: sản xuất, chế biến thực phẩm (trừ thực phẩm tươi sống)                                        | 1010 | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Chi tiết: chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt (trừ thực phẩm tươi sống) | 1010 | ...nt... |
| 8  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.<br>Chi tiết: dịch vụ giới thiệu việc làm                            | 7810 | Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm.<br>Chi tiết: Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm                    | 7810 | ...nt... |
| 9  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>Chi tiết: bảo quản, chế biến các loại lâm sản (không hoạt động tại trụ sở)                                               | 1610 | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>Chi tiết: Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở)                          | 1610 | ...nt... |
| 10 | Chế biến và bảo quản rau quả<br>Chi tiết: bảo quản, chế biến sau thu hoạch các loại nông sản (không hoạt động tại trụ sở)                                  | 1030 | Chế biến và bảo quản rau quả<br>Chi tiết: chế biến và bảo quản rau quả khác (không hoạt động tại trụ sở)                         | 1030 | ...nt... |
| 11 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.<br>Chi tiết: nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất các mặt hàng dệt may | 4659 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày       | 4659 | ...nt... |



|    |                                                                                                                                               |      |                                                                                                                                                                             |      |          |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
| 12 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.<br>Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô                                                            | 4933 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng                                                                                         | 4933 | ...nt... |
| 13 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở công ty)                                              | 5510 | Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự<br>Chi tiết: Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở công ty)                                               | 5510 | ...nt... |
| 14 | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy (không hoạt động tại trụ sở) | 1709 | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở) | 1709 | ...nt... |
| 15 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) ( <b>Ngành nghề kinh doanh chính</b> )<br>Chi tiết: sản xuất các sản phẩm dệt may              | 1410 | Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) ( <b>Ngành nghề kinh doanh chính</b> )<br>Chi tiết: Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                 | 1410 | ...nt... |
| 16 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính – kế toán)                         | 6619 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu                                            | 6619 | ...nt... |
| 17 | Xây dựng công trình đường sắt<br>Chi tiết: xây dựng công trình giao thông                                                                     | 4211 | Xây dựng công trình đường sắt<br>Chi tiết: Xây dựng công trình đường sắt.                                                                                                   | 4211 | ...nt... |



|    |                                                                                                                                                                                                                                          |      |                                                                                                                                                         |      |                                        |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------------------------|
| 18 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp                                                                                                                                        | 4299 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                      | 4299 | ...nt...                               |
| 19 | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: xây dựng công trình giao thông                                                                                                                                                                 | 4212 | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ                                                                                  | 4212 | ...nt...                               |
| 20 | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: kinh doanh các sản phẩm dệt may, xuất khẩu các sản phẩm dệt may, mua bán vải, giày dép, thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn, hàng may mặc, hàng da và giả da, túi, ví | 4641 | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn vải, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc, giày, dép. | 4641 | ...nt...                               |
| 21 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu.<br>Chi tiết: Môi giới thương mại                                                                                                                                | 7490 | Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán.<br>Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa; Môi giới chứng khoán; Môi giới khác                                 | 6612 | Thay đổi mã ngành nghề theo QĐ 36/2025 |
| 22 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: mua bán vật liệu xây dựng                                                                                                                                           | 4663 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                            | 4673 | ...nt...                               |
| 23 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại                                                                                                                  | 4669 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán                         | 4679 | ...nt...                               |



|    |                                                                                                                                                   |      |                                                                                                                                                                              |      |                                                            |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------|
|    | mạnh)                                                                                                                                             |      | buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu   |      |                                                            |
| 24 | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Bán mô tô, xe máy                                                                                                  | 4541 | Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy             | 4663 | ...nt...                                                   |
| 25 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                               | 4511 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn ô tô (trừ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác | 4661 | ...nt...                                                   |
| 26 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Sửa chữa, ô tô, xe máy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) | 4520 | Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác.                                                                  | 9531 | ...nt...                                                   |
| 27 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: mua bán sắt, thép                                                                                | 4662 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                          | 4672 | ...nt...                                                   |
| 28 | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch<br>Chi tiết: kinh doanh dịch vụ du                           | 7990 | Hoạt động liên quan đến du lịch khác<br>Chi tiết: Hoạt động liên quan đến du lịch khác ( <b>không kinh doanh dịch vụ lữ hành</b> )                                           | 7990 | Mục A.25 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 |



|    |                                                                                                                                                                                                         |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |                                                            |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------|
|    | lịch lữ hành nội địa, quốc tế                                                                                                                                                                           |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |                                                            |
| 29 | Bưu chính.<br>Chi tiết: đại lý dịch vụ bưu chính, viễn thông                                                                                                                                            | 5310 | Bưu chính.<br>Chi tiết: Bưu chính <i>(không thực hiện dịch vụ bưu chính công ích)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5310 | Mục A.13 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 |
| 30 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Mua bán đồ dùng gia đình, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, túi, ví, hàng điện tử, điện gia dụng. | 4649 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn đồ điện gia dụng.                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4649 | Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 |
| 31 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.<br>Chi tiết: kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà ở, cho thuê kho bãi                                         | 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.<br>Chi tiết: Mua bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê vận hành nhà ở và đất ở; Cho thuê và vận hành nhà và đất không để ở; Kinh doanh bất động sản khác <i>(Không đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)</i> | 6810 | Mục A.7 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021  |



## II. NỘI DUNG XÓA BỎ NGÀNH NGHỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

| STT | Ngành nghề kinh doanh đề nghị xóa bỏ                                                                                                                                                              | Mã ngành | Lý do pháp lý                                             | Ghi chú                                                            |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 1   | Khai thác gỗ<br>Chi tiết: Khai thác rừng trồng                                                                                                                                                    | 0220     | Mục A.23 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 | Nhà đầu tư nước ngoài chưa được phép tiếp cận đầu tư               |
| 2   | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: đại lý ký gửi hàng hóa, dịch vụ đấu giá tài sản                                                                                                   | 4610     | Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 | Nhà đầu tư nước ngoài chưa được phép tiếp cận đầu tư               |
| 3   | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác | 4620     | Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 | Nhà đầu tư nước ngoài chưa được quyền phân phối lúa, thóc, ngũ cốc |



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BÌNH MINH**



# **TÀI LIỆU**

## **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**

*TP.HCM, Ngày 25 tháng 4 năm 2026*





**CHƯƠNG TRÌNH**

**Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2026**

Nhiệm kỳ VI (2025 -2030) – ngày 25 tháng 04 năm 2026

(tại Trụ sở chính Công ty :440 Nơ Trang Long P.Bình Lợi Trung TP.HCM)

| TT | Thời gian           | Nội Dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ghi chú                                                                                                                                                             |
|----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 7 h 30' → 7 h 45'   | - Đón tiếp đại biểu<br>- Kiểm tra tư cách Cổ đông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | - Ban tổ chức<br>- Ban kiểm tra tư cách Cổ đông<br>(A. <b>Thắng TBKS</b> báo cáo)                                                                                   |
| 2  | 7 h 45' → 8h 00'    | <b>KHAI MẠC ĐẠI HỘI:</b><br>-Tuyên bố lý do giới thiệu đại biểu<br>- Giới thiệu Đoàn Chủ tịch :<br>Ông Võ Quốc Hào và Ông Hồ Thanh Lâm,<br>Chị Thùy Dương<br>- Giới thiệu Ban thư ký: Anh Tuấn, Chị Đào                                                                                                                                                                                           | Ông <b>Nghĩa</b><br>(Ban Tổ chức)                                                                                                                                   |
| 3  | 8 h 00' → 8 h 20'   | -Thông qua chương trình đại hội.<br>-Thông qua quy chế tổ chức đại hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ông <b>Lâm</b><br>(Đoàn chủ tịch)                                                                                                                                   |
| 4  | 8h20' → 10 h 00'    | <b>NỘI DUNG ĐẠI HỘI:</b><br>- Báo cáo kết quả SX-KD năm 2025 và phương hướng năm 2026 của HĐQT.<br><br>- Báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động SXKD năm 2025 của Ban kiểm soát.<br><br>- Tờ trình của Hội đồng quản trị trước ĐHĐCĐ thường niên 2026.(PP lợi nhuận 2025 và chọn đơn vị Kiểm toán độc lập)<br><br>- Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị các nội dung có liên quan khác . | Ông <b>Hào</b><br>(Chủ tịch Đoàn)<br><br>Ông <b>Thắng</b><br>(TB Kiểm soát)<br><br>Bà <b>Thùy Dương</b><br>(Đoàn chủ tịch)<br><br>Ông <b>Hào</b><br>(Chủ tịch Đoàn) |
| 5  | 10 h 00' → 11 h 00' | - Thảo luận - biểu quyết – Giải đáp thắc mắc của cổ đông (giải lao nếu có thời gian)                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đoàn chủ tịch                                                                                                                                                       |
| 6  | 11 h00' → 11h 15'   | - Chủ tịch thông qua:<br>+ Nghị quyết đại hội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ông <b>Hào</b><br>(Chủ tịch đoàn)                                                                                                                                   |
| 7  | 11 h 15' → 11h 30'  | - Thông qua Biên bản Đại hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Ông <b>Tuấn</b> –Thư ký                                                                                                                                             |
|    |                     | <b>Bế mạc</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Ông <b>Nghĩa</b><br>(Ban Tổ chức)                                                                                                                                   |

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**





**BÁO CÁO THẨM TRA TIÊU CHUẨN ĐẠI BIỂU CỔ ĐÔNG  
THAM DỰ ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2026- NHIỆM KỲ VI (2025-2030)**

**Kính thưa toàn thể Đại hội !**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam .
- Căn cứ vào Điều lệ Cty CP May Bình Minh.
- Căn cứ vào Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số: **VSDB 014479/VSDBMGXX ngày 06/04/2026** tại ngày đăng ký cuối cùng **02/04/2026** của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Hôm nay ngày **25/04/2026**, Ban thẩm tra tiêu chuẩn Đại biểu gồm:

|                          |                        |            |
|--------------------------|------------------------|------------|
| 1/ Ông Nguyễn Đình Thắng | - Trưởng Ban kiểm soát | Trưởng ban |
| 2/ Ông Nguyễn Minh Tuấn  | - TB.QHCD              | Phó ban    |
| 3/ Ông Nguyễn Anh Tuấn   | - TV BKS               | Thành viên |
| 4/ Bà Hồ Đặng Ngọc Diễm  | - TV BKS               | Thành viên |
| 5/ Ông Tạ Trung Thành    | - Ban QHCD             | Thành viên |

Sau khi kiểm tra đối chiếu danh sách Đại biểu cổ đông với tiêu chuẩn quy định, ban thẩm tra tiêu chuẩn đại biểu xin được thông báo với Đại hội kết quả kiểm tra như sau:

- Tổng số cổ đông của công ty tính đến thời điểm ngày **02/04/2026** là **364** cổ đông, sở hữu 5.292.000 cổ phần, tương ứng vốn điều lệ là 52.920.000.000 đồng.
- Tổng số cổ đông sở hữu và đại diện ủy quyền về tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2026 - nhiệm kỳ V (2020-2025) đến thời điểm **8h00 ngày 25/04/2026** là 68 đại biểu, tương ứng 5.009.302 cổ phần được quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 94.66 % vốn điều lệ.

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty quy định quyền lợi của cổ đông về dự Đại hội thường niên, Ban kiểm tra công bố 68 đại biểu tham dự Đại hội hôm nay có đầy đủ tiêu chuẩn và Đại hội chúng ta tiến hành hoàn toàn hợp lệ.

Xin cảm ơn Đại hội. Kính chúc Quý vị Đại biểu mạnh khỏe. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM. Ban thẩm tra**  
Trưởng ban

Nguyễn Đình Thắng



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CTY CP MAY BÌNH MINH  
NHIỆM KỲ VI (2025-2030)

\*\*\*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 25 tháng 4 năm 2026



## QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BÌNH MINH THƯỜNG NIÊN 2026 - NHIỆM KỲ VI (2025-2030)

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thay mặt Đoàn chủ tịch, trình Đại hội đồng Cổ đông nội dung quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 - NK VI (2025-2030) cụ thể như sau:

### CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1: Mục đích và Phạm vi áp dụng.**

##### **1.1. Mục đích:**

- 1.1.1. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội.
- 1.1.2. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ và đoàn kết.
- 1.1.3. Đạt được sự đồng thuận cao nhất của Cổ đông để hoàn thành nhiệm vụ đề ra.
- 1.1.4. Vì quyền lợi của Cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Công ty.



## **1.2. Phạm vi áp dụng:**

- 1.2.1. Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 - Nhiệm kỳ VI (2025-2030) của Công ty cổ phần May Bình Minh (sau đây gọi tắt là Đại hội).
- 1.2.2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham gia Đại hội; điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- 1.2.3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

## **CHƯƠNG II**

### **ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

#### **Điều 2: Điều kiện tham dự đại hội**

Các cổ đông là cá nhân, tổ chức hoặc đại diện ủy quyền của: Cổ đông, nhóm cổ đông hoặc tổ chức có tên trong danh sách Cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 - ngày **02/4/2026** có quyền trực tiếp tham dự Đại hội.

#### **Điều 3: Các hình thức tham dự đại hội**

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

## **CHƯƠNG III**

### **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

#### **Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền**

- 4.1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền được quyền tham dự Đại hội, được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và theo Điều lệ công ty.
- 4.2. Tại Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội phải mang theo các giấy tờ sau để xuất trình tại bàn đón tiếp Cổ đông:
  - Thư mời họp Đại hội;
  - Giấy ĐKKD (đối với cổ đông tổ chức - bản photo) và CCCD/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân còn hiệu lực hợp pháp khác;
  - Giấy ủy quyền, Thẻ biểu quyết (theo mẫu công ty);



- 4.3. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội trước khi vào phòng họp Đại hội.
- 4.4. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua.
- 4.5. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp, giao tiếp văn hóa, hòa nhã, thân thiện. Không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng, điện thoại chuyển sang chế độ rung, không sử dụng điện thoại trong Đại hội.
- 4.6. Cổ đông tham dự phiên họp khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình phiên họp đã thông qua. Những vấn đề đã được phát biểu và giải đáp thì không phát biểu lại trùng lặp. Cổ đông có thể ghi nội dung câu hỏi vào *Phiếu đóng góp ý kiến (do Ban tổ chức Đại hội cung cấp)* và gửi về Ban tổ chức để tổng hợp gửi lên Đoàn chủ tịch.
- 4.7. Tài liệu đại hội đã được gửi đến quý Cổ đông và đăng tải trên website của Công ty, vì vậy để Đại hội được chuẩn bị chu đáo, đề nghị quý Cổ đông nghiên cứu trước và chuẩn bị các ý kiến đóng góp gửi về Ban tổ chức đại hội (thông qua Fax: 028.35533348, Email: [cvp@bmig.com.vn](mailto:cvp@bmig.com.vn), website: [bmig.com.vn](http://bmig.com.vn)) trước **07 (bảy)** ngày tổ chức Đại hội.
- 4.8. Các cổ đông và đại diện ủy quyền tham dự phải tuân thủ các quy định tại quy chế này, chịu sự điều khiển của Chủ tọa đoàn và tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội.

#### **Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông**

- 5.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 1 Trưởng ban (Trưởng Ban Kiểm soát Công ty) và các thành viên do Ban tổ chức Đại hội chỉ định. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có chức năng sau:
- Kiểm tra, xác định cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự Đại hội: kiểm tra CCCD/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
  - Kiểm tra Thư mời, Giấy ủy quyền (*nếu cần*).
  - Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
- 5.2. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ điều kiện để tham dự và không cung cấp hồ sơ xác minh nhân thân thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó.

#### **Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa**



- 6.1. Đoàn Chủ tịch do HĐQT đề cử gồm Chủ tịch và một số thành viên HĐQT, được Đại hội biểu quyết thông qua, có chức năng điều khiển Đại hội; Chủ tịch đoàn (Chủ tọa) là người chủ trì Đại hội đồng cổ đông.
- 6.2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:
- Điều hành các hoạt động của phiên họp theo chương trình được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để phiên họp diễn ra có trật tự, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
  - Trình dự thảo các văn kiện, những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết thông qua.
  - Hướng dẫn việc thảo luận tại phiên họp.
  - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.
  - Chủ tọa đoàn chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình đại hội và mang tính đại diện cho nhiều Cổ đông, không trả lời trực tiếp và giải thích chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, đã được quy định trong quy định của điều lệ, pháp luật hoặc các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn, chi tiết mang tính chất phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân Cổ đông.
- 6.3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính quyết định cuối cùng.
- 6.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty) nếu nhận thấy rằng:
- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc
  - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

#### **Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội**

- 7.1. Ban thư ký Đại hội gồm 1 Trưởng ban và 1 thành viên do Ban tổ chức đề cử được Đại hội biểu quyết thông qua.
- 7.2. Ban thư ký Đại hội thực hiện các công việc theo sự phân công của Đoàn Chủ tịch;
- Ghi chép Biên bản về diễn biến của Đại hội;
  - Phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội;
  - Trình bày trước Đại hội về nội dung Biên bản.

### **CHƯƠNG IV**



## **TRÌNH TỰ TIỀN HÀNH ĐẠI HỘI**

### **Điều 8: Tiến hành Đại hội**

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt quyền tham dự Đại hội ngày **02/4/2026** theo danh sách số **VNMEETVSDB014479/VSDBMGXX** ngày **06/4/2026** của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp. Ban kiểm tra tư cách Cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

- Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

- Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức giờ thể biểu quyết.

- Đại hội bế mạc sau khi Nghị quyết và Biên bản Đại hội được thông qua.

### **Điều 9: Thời gian và Địa điểm tiến hành Đại hội**

9.1 Đại hội được tiến hành vào lúc **7h45** ngày **25/04/2026**.

9.2 Địa điểm: Công ty CP May Bình Minh, số 440 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, Tp.Hồ Chí Minh.

### **Điều 10: Biểu quyết thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

10.1 Nghị quyết, quyết định trong Đại hội sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thông qua.

10.2 Các vấn đề trong chương trình và nội dung họp Đại hội đều phải được biểu quyết thông qua bằng thể biểu quyết.

### **Điều 11: Biên bản, Nghị quyết Đại hội**

11.1 Nội dung diễn biến tổ chức Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký chịu trách nhiệm tính xác thực của Biên bản Đại hội;

11.2 Biên bản, Nghị Quyết Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

11.3 Biên bản, Nghị quyết Đại hội được đăng trên website của Công ty trong thời hạn 24h kể từ khi bế mạc Đại hội.



**CHƯƠNG V**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 12: Điều khoản thi hành**

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua; Quy chế bao gồm 5 chương, 12 điều, có hiệu lực áp dụng trong việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 - Nhiệm kỳ VI (2025-2030) của Công ty cổ phần May Bình Minh.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Chủ tịch**



**Võ Quốc Hào**



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

## BÁO CÁO

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2025 PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH 2026

Kính thưa : - **Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên 2026**  
- **Quý vị Cổ đông**

Hôm nay tôi xin thay mặt HĐQT báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng kế hoạch 2026.

#### PHẦN 1 :

#### **BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH THẾ GIỚI NĂM 2025 ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGÀNH DỆT MAY:**

##### **1. Tình hình thế giới năm 2025:**

##### **- Thuế quan Mỹ: Chính sách làm rung chuyển thương mại toàn cầu:**

+ Vào ngày 2/4/2025 theo giờ địa phương, Tổng thống Mỹ Donald Trump ký sắc lệnh áp thuế đối với hàng chục nền kinh tế. Trong đó, mức thấp nhất là 10% và cao nhất là 48%. Washington lập luận rằng việc duy trì mức thuế cao là cần thiết để bảo vệ việc làm trong nước, giảm phụ thuộc vào chuỗi cung ứng nước ngoài và ngăn chặn các hành vi thương mại bị cho là “không công bằng”.

+ Tác động của chính sách này nhanh chóng ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu. Các đối tác thương mại lớn của Mỹ như Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản và Hàn Quốc lo ngại nguy cơ phân mảnh thương mại toàn cầu và sự suy yếu của hệ thống thương mại đa phương. Nhiều doanh nghiệp quốc tế buộc phải điều chỉnh chiến lược, chuyển dịch sản xuất sang các quốc gia được Mỹ đánh giá là “thân thiện” hoặc chấp nhận chi phí cao hơn để duy trì thị trường.

+ Đối với các nền kinh tế đang phát triển, đặc biệt là ở châu Á và Mỹ Latinh, chính sách thuế quan của Mỹ tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức. Một mặt, họ có thể hưởng lợi từ làn sóng dịch chuyển chuỗi cung ứng; mặt khác, sự bất ổn chính sách và chi phí thương mại gia tăng khiến môi trường đầu tư trở nên khó lường hơn.

+ Tổng thể, chính sách thuế quan của Mỹ năm 2025 không chỉ làm thay đổi dòng chảy thương mại, mà còn buộc các nền kinh tế và doanh nghiệp toàn cầu phải điều chỉnh lại chiến lược dài hạn. Trong một thế giới ngày càng phân cực, thuế quan đang trở thành “ngôn ngữ quyền lực” mới trong cạnh tranh kinh tế quốc tế, thay vì chỉ là công cụ điều tiết thương mại thuần túy.

##### **- Căng thẳng thương mại giữa hai 'đầu tàu' kinh tế thế giới:**



+ Sau khi Tổng thống Donald Trump công bố chính sách thuế đối ứng, các đối tác thương mại của Mỹ nhanh chóng thúc đẩy quá trình đàm phán thương mại nhằm đạt được tiếng nói chung với Washington. Tính đến thời điểm hiện tại, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Hàn Quốc hay các quốc gia ASEAN đều đã đạt được thỏa thuận với mức thuế dao động từ 15-20%.

+ Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn là ngoại lệ lớn nhất trong bức tranh này. Không giống các đối tác khác của Mỹ, Bắc Kinh chưa đạt được bất kỳ thỏa thuận thuế quan toàn diện nào với Washington dù đã trải qua nhiều cuộc đàm phán.

+ Washington không chỉ nhắm tới thâm hụt thương mại, mà còn tập trung vào các lĩnh vực được coi là then chốt đối với an ninh và vị thế công nghệ của Mỹ, từ chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, pin, xe điện cho tới các công nghệ lưỡng dụng. Trong cách tiếp cận này, thuế quan chỉ là một phần của gói biện pháp rộng hơn nhằm kiềm chế năng lực công nghiệp và công nghệ của Trung Quốc.

+ Ở chiều ngược lại, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Tập Cận Bình, Trung Quốc coi đây là cuộc cạnh tranh thương mại mang tính dài hạn. Bên cạnh những đòn thuế trả đũa, Bắc Kinh tập trung củng cố thị trường nội địa, đẩy mạnh tự chủ công nghệ và mở rộng quan hệ kinh tế với các nước đang phát triển.

+ Bên lề Hội nghị Cấp cao APEC tại Hàn Quốc vào tháng 10/2025, Tổng thống Mỹ Donald Trump và Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã có cuộc họp song phương. Dù vẫn chưa đạt được thỏa thuận thương mại nào, Mỹ và Trung Quốc đã có một số đồng thuận về một số vấn đề như đất hiếm, đậu tương.

+ Tổng thống Trump nói bản thân sẽ thăm Trung Quốc vào tháng 4/2026 và ông Tập Cận Bình cũng sẽ đến thăm Mỹ vào một thời điểm sau đó. Đây sẽ là tiền đề để hai nền kinh tế lớn nhất thế giới từng bước hạ nhiệt căng thẳng, khôi phục các kênh đối thoại chiến lược và tạo không gian cho những thỏa thuận thực chất hơn trong quan hệ thương mại – kinh tế song phương trong năm 2026.

## 2. Tình hình ngành dệt may Việt Nam:

- Kim ngạch xuất khẩu thị trường chính:

| TT | Thị trường        | Năm 2024<br>(tỷ USD) | Năm 2025<br>(tỷ USD) | So sánh<br>2025/2024 (%) |
|----|-------------------|----------------------|----------------------|--------------------------|
| 01 | Mỹ                | 16,15                | 17,88                | 110,7%                   |
| 02 | Châu Âu           | 4,32                 | 4,79                 | 110,88%                  |
| 03 | Nhật Bản          | 4,33                 | 4,60                 | 106,23%                  |
| 04 | Hàn Quốc          | 3,15                 | 2,89                 | 91,75%                   |
| 05 | Khác              | 9,09                 | 9,48                 | 104,30%                  |
|    | <b>Tổng cộng:</b> | <b>37,04</b>         | <b>39,64</b>         | <b>107,02%</b>           |

**Xuất khẩu hàng dệt may năm 2025**  
(Số liệu Hải Quan VN công bố ngày 16/01/2026)

- Thị trường XNK hàng Dệt May năm 2025:

Năm 2025, các doanh nghiệp dệt may phải đối mặt với áp lực lớn khi giá bông, xơ, chi phí logistics biến động mạnh; yêu cầu của khách hàng ngày càng khắt khe về tiến độ

giao hàng, chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, trong khi đơn giá gia công có xu hướng giảm.

Đặc biệt, chính sách thuế quan của Hoa Kỳ đã tạo thêm sức ép lên chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu, buộc các nhà sản xuất, trong đó có doanh nghiệp Việt Nam, phải chia sẻ chi phí tăng thêm, làm suy giảm lợi thế cạnh tranh so với các quốc gia xuất khẩu giá rẻ như Bangladesh, Indonesia...

Cùng với đó, thiên tai dồn dập tại nhiều tỉnh miền Bắc và miền Trung đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất. Nhiều nhà máy phải tạm ngừng hoạt động do ngập lụt, công nhân nghỉ việc trong thời điểm cao điểm sản xuất cuối năm, khiến tiến độ giao hàng bị gián đoạn, phát sinh thêm chi phí cho doanh nghiệp.

Dù vậy, năm 2025 tiếp tục được ghi nhận là một năm "vượt khó" của ngành may mặc. Kim ngạch xuất khẩu toàn ngành đạt gần 40 tỷ USD, tăng 7% so với năm 2024. Sản phẩm may mặc Việt Nam hiện đã có mặt tại 138 thị trường trên thế giới, trong đó Hoa Kỳ vẫn là thị trường chủ lực với kim ngạch đạt gần 18 tỷ USD, tăng khoảng 10%. Nhóm hàng may mặc tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, chiếm trên 39 tỷ USD tổng kim ngạch xuất khẩu.

### 3. Kết quả thực hiện trong năm 2025 của Công ty :

- Doanh thu : **299,09 tỷ** (90,63% so với KH; 106,90% so với TH 2024)
- Lợi nhuận : **19,20 tỷ** (106,70% so với KH; 116,75% so với TH 2024)

**\* Các chỉ tiêu thực hiện :**

#### CHỈ TIÊU THỰC HIỆN 2025

| TT  | Chỉ tiêu                      | Đơn vị tính | Thực hiện 2024 | 2025     |           | % /so với |                |
|-----|-------------------------------|-------------|----------------|----------|-----------|-----------|----------------|
|     |                               |             |                | Kế hoạch | Thực hiện | Kế hoạch  | Thực hiện 2024 |
| I   | Tổng doanh thu                | Triệu đồng  | 279.767        | 330.000  | 299.093   | 90,63%    | 106,91%        |
| I.1 | Doanh thu SXKD                | Triệu đồng  | 275.980        |          | 295.941   |           | 107,23%        |
|     | Trong đó : * DT FOB           | Triệu đồng  | 195.760        |          | 202.184   |           | 103,28%        |
|     | * DT gia công                 | Triệu đồng  | 55.678         |          | 74.980    |           | 134,67%        |
|     | Doanh thu khác                | Triệu đồng  | 16.742         |          | 13.974    |           | 83,47%         |
|     | Doanh thu KD nội địa (KD)     | Triệu đồng  | 7.800          |          | 4.804     |           | 61,59%         |
| I.2 | Doanh thu hoạt động tài chính | Triệu đồng  | 3.232          |          | 3.116     |           | 96,41%         |
| I.3 | Thu nhập khác                 | Triệu đồng  | 555            |          | 36,4      |           | 6,56%          |
| II  | Lợi nhuận trước thuế          | Triệu đồng  | 16.446         | 18.000   | 19.200    | 106,70%   | 116,75%        |



|     |                               |            |            |    |            |          |
|-----|-------------------------------|------------|------------|----|------------|----------|
| III | Cổ Tức                        | %          | 15         | 15 | 15         | 100%     |
|     | Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu    | đồng       | 2.234      |    |            |          |
| IV  | Lao động bình quân toàn Cty   | Người      | 610        |    | 604        | 99,02 %  |
| V   | Năng suất LDBQ (USD/ng/tháng) | USD        | 731        |    | 839        | 114,77 % |
|     | Trụ sở chính                  |            | 784        |    | 853        | 108,80%  |
|     | CN Bình Dương                 |            | 740        |    | 856        | 115,68%  |
|     | CN Hà Nội ( khoản doanh thu ) |            |            |    |            |          |
|     | CN Hải Phòng                  |            | 584        |    | 793,6      | 135,89%  |
| VI  | Thu nhập bình quân            | Triệu đồng | 11.562.235 |    | 13.971.040 | 120.83%  |
|     | Trụ sở chính                  |            | 12.562.735 |    | 15.133.632 | 120.46%  |
|     | CN Bình Dương                 |            | 10.307.676 |    | 12.016.560 | 116,60%  |
|     | CN Hà Nội                     |            | 9.199.053  |    | 10.366.711 | 112,70%  |
|     | CN Hải Phòng                  |            | 9.601.727  |    | 11.799.540 | 122,89%  |

### **Đánh giá**

**A.** Doanh thu sản xuất kinh doanh năm 2025 tuy chỉ đạt 90,63% so với kế hoạch năm 2025 nhưng đạt 106,91% so với thực hiện năm 2024, cụ thể :

- Hàng FOB tăng 103,28% so với năm 2024; hàng gia công tăng 134,67%; Doanh thu cả năm của Công ty đạt 106,91% so với năm 2024. Một số nguyên nhân cơ bản sau:
  - + Tiếp nhận được các đơn hàng phù hợp năng lực sản xuất của công ty.
  - + Lực lượng lao động biến động không đáng kể (598/610, 98%).
- Trong năm 2025 thu nhập cho người lao động tăng 20,8% cho toàn hệ thống.

**B.** Lợi nhuận thực hiện năm 2025 đạt 106,70 % so với KH và 116,75 % so với năm 2024 phần lớn đến từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là chính. Hoạt động tài chính và thu nhập khác giảm so với năm 2024 do hiện công ty đang triển khai xây dựng nhà máy mới tại Cần Thơ.

Nhìn chung năm 2025 có nhiều thuận lợi hơn so với 2024, nguồn hàng đáp ứng đầy đủ cho sản xuất. Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, cùng nỗ lực của BĐH đã có nhiều giải pháp, kích bản linh hoạt trong từng thời điểm, phù hợp năng lực sản xuất, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, chi phí hoạt động của công ty, giãn/giảm các chi phí đầu tư, sửa chữa chưa cần thiết, cấp bách ... nên kết quả hoạt động SX-KD năm 2025 lợi nhuận vượt chỉ tiêu đề ra.

### **Đánh giá của HĐQT về công tác điều hành.**

+ HĐQT đánh giá cao các nỗ lực của Ban Điều hành trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh trong năm 2025. Trong bối cảnh hết sức khó khăn về lực lượng lao động (lớn tuổi, nghỉ chế độ, không có nguồn bổ sung), nhưng Ban Điều hành Bình Minh vẫn đảm bảo hoạt động SX-KD ổn định, giao hàng đúng kế hoạch đề ra. Kết quả đạt được là rất đáng biểu dương, đặc biệt là vượt chỉ tiêu Lợi nhuận.

+ Hạn chế lớn nhất hiện nay của Bình Minh là :

- Năng lực sản xuất mỏng, người lao động lớn tuổi không đảm bảo thực hiện các đơn hàng lớn, đơn hàng nhanh ... đáp ứng yêu cầu thị trường ngày càng khắc khe.

- Cơ sở sản xuất hiện nay manh mún, thiếu các tiêu chuẩn theo quy chuẩn quốc tế ... để thực hiện các đơn hàng có giá trị gia tăng cao.

=> Yêu cầu Ban Điều hành :

+ Có giải pháp qui hoạch tổng thể các khu vực sản xuất của công ty, phân tích hiệu quả hoạt động từng khu vực để từ đó đề ra giải pháp trình Hội đồng quản trị phê duyệt thực hiện ( nội dung này đã triển khai dứt điểm năm 2025 nên có hiệu quả nhất định về nsld, thu nhập cho NLĐ )

+ Tập trung cao độ về nguồn lực cho việc triển khai nhà máy mới tại Hậu Giang nay là Cần Thơ ( nội dung này BDH đang triển khai theo tiến độ của HĐQT giao , dự kiến tháng 5/26 hoạt động SX thử nghiệm các đơn hàng nhỏ cho xuất khẩu ....)

+ Chuyển nhanh công nghệ số trong quản trị và điều hành sản xuất ( nội dung này BDH đang triển khai , do cần cân nhắc quy mô , chi phí phù hợp , năng lực cán bộ , người lao động ...). HĐQT đang cân nhắc sẽ quyết định thời điểm phù hợp cho Công ty.

## **PHẦN 2 : PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH 2026**

Năm 2026, bức tranh thị trường xuất khẩu dệt may được dự báo sẽ kém sáng hơn so với năm 2025. Theo ghi nhận từ các doanh nghiệp và tập đoàn lớn trong ngành, tổng cầu dệt may thế giới vẫn tăng nhưng tốc độ đã chậm lại đáng kể. Thách thức và cơ hội đan xen lẫn nhau, đòi hỏi Ban Điều hành công ty cần cố gắng nỗ lực hơn nữa để hoàn thành kế hoạch trong năm 2026

- Sau cú sốc ban đầu từ tuyên bố “Ngày giải phóng” của Tổng thống Trump vào tháng 4/2025, căng thẳng thương mại toàn cầu đã phần nào dịu lại. Tuy nhiên, dù những kịch bản tồi tệ nhất chưa xảy ra, thuế quan của Mỹ hiện vẫn cao hơn nhiều so với trước khi ông Trump quay lại Nhà Trắng, và sự bất ổn , bấp bênh trong chính sách thương mại vẫn rất lớn.

- Các nhà kinh tế cho rằng căng thẳng địa chính trị kéo dài có thể tiếp tục làm phân mảnh thương mại toàn cầu, buộc doanh nghiệp phải đẩy nhanh việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng và đưa sản xuất về gần thị trường tiêu thụ hơn.

- Về thuế quan, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của dệt may Việt Nam và có thể không có thị trường nào tốt hơn thay thế . Khi thị trường Mỹ bất ổn là tác động đến tất cả thị trường khác : EU, Japan , Korea . Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại, Việt Nam đang ở mức thuế “trung tính”, khoảng 20%, tương đương Bangladesh và chỉ cao hơn một chút so với Indonesia, Campuchia (khoảng 19%), nhưng thấp hơn nhiều so với Ấn Độ, Brazil hay Trung Quốc.



- Năm 2026 không phải là năm “dễ thở” của dệt may Việt Nam. Lợi thế lao động giá rẻ không còn, ưu đãi thuế không vượt trội, trong khi cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Nhưng với vị thế đã được khẳng định trong chuỗi cung ứng toàn cầu, cùng nỗ lực đổi mới quản trị, chuyển đổi số và nâng cao năng suất, ngành dệt may Việt Nam vẫn còn dư địa để đi tiếp, có thể chậm hơn, khó hơn, nhưng bền bỉ hơn.

- Từ đầu năm 2026 đến nay tình hình chính trị, an ninh thế giới quá nhiều bất an, diễn biến nhanh, phức tạp không lường hết được các rủi ro: Trung đông gần như là khủng hoảng chiến tranh, nguồn nhiên liệu gián đoạn ... tác động tiêu cực đến các thị trường tiêu dùng thế giới nhất là Mỹ .

Từ các khách quan chung nhận định, với Công ty cần có định hướng rõ trong năm 2026 và làm tiền đề cho các năm còn lại của nhiệm kỳ 2025-2030:

1/ Tập trung ổn định các cơ sở sản xuất hiện có về năng lực sản xuất, cải tiến, trang bị MMTB hiện đại phù hợp tay nghề, thị trường cho người lao động; giải pháp thị trường tối ưu nhất nhằm tối đa hóa NSLĐ, thu nhập cho NLĐ vượt mức thu nhập trung bình theo tiêu chuẩn thế giới .

2/ Tranh thủ làm việc với các chính quyền địa phương sở tại hoàn chỉnh pháp lý, ổn định cơ sở sản xuất các khu vực nhanh nhất trong năm 2026: Hà Nội, TP.HCM, Hải phòng.

3/ Triển khai nhanh nhất nhà máy mới tại Cần Thơ sớm đi vào ổn định hoạt động theo tiến độ đề ra ( 6/2026).

↳ Nhìn chung mọi dự báo cho năm 2026 chỉ là dự báo , với tình hình thế giới từ tháng 2/26 đến nay diễn biến quá phức tạp và khó lường như thế thì tác động tiêu cực đến thị trường mở như VN và Công ty với hàng XK gần như 100% là tất yếu .HDQT, BDH cần nỗ lực cao độ, bám sát thị trường, thông tin, khách hàng, bạn hàng... để có giải pháp kịp thời, linh hoạt nhằm ổn định sản xuất, ổn định thu nhập cho NLĐ, quản trị rủi ro và cuối cùng là đạt các chỉ tiêu mà Đại hội giao phó .

### Chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2026:

Căn cứ trình bày, báo cáo của BDH về xây dựng chỉ tiêu KHSX cho năm 2026. Xem xét nhiều khía cạnh, yếu tố ... chủ quan, khách quan, tình hình thực tiễn của Công ty đi đến thống nhất trình Đại hội chỉ tiêu cho BDH thực hiện phấn đấu năm 2026 ,cụ thể sau :

| TT  | Chỉ tiêu chủ yếu     | Kế hoạch năm 2026 | %/thực hiện 2025 |
|-----|----------------------|-------------------|------------------|
| I   | Tổng doanh thu       | 330               | 110%             |
| II  | Lợi nhuận trước thuế | 18                | 95%              |
| III | Cổ tức / VDL ( %)    | 15                | 100%             |

*Chỉ tiêu này đã xem xét tác động do hỗ trợ nhà máy mới đi vào hoạt động*

#### I. Nhiệm vụ của năm 2026.

Một số nhiệm vụ chính cho năm như sau:

1.Tập trung triển khai xây dựng và đưa nhà máy mới tại Cần Thơ đi vào hoạt động trong thời gian sớm nhất (Quý 3/2026). Đây là dự án trọng tâm, then chốt để mở rộng quy mô sản xuất, tăng số lượng lao động trong điều kiện hiện nay của các cơ sở sản xuất hiện hữu

của công ty gặp quá nhiều khó khăn về: cơ sở pháp lý nhà xưởng ( Hải Phòng) , Hà nội , Bình Dương ( Khu B) về tuyển dụng lao động, sản xuất manh mún, nguồn hàng nhỏ lẻ, thiếu ổn định, kế hoạch ngắn hạn ...

2. Tập trung toàn lực cho công tác tuyển dụng lao động, đào tạo lao động; tìm kiếm nguồn hàng cho nhà máy mới sớm đi vào hoạt động theo kế hoạch đề ra. Công tác điều động, luân chuyển cán bộ quản lý được chú trọng để đạt kết quả cao trong sản xuất.

3. Cùng cố và duy trì năng lực sản xuất hiện có đối với các cơ sở sản xuất hiện hữu ; tìm giải pháp tăng NSLĐ nhằm nâng cao thu nhập và chăm lo cho người lao động. Các đơn vị sản xuất sắp xếp sản xuất, linh hoạt, thích ứng nhanh đối với việc thay đổi nguồn hàng truyền thống.

4. Qui hoạch tổng thể các khu vực sản xuất, tìm giải pháp đầu tư hiệu quả để khai thác quỹ đất chưa sử dụng: Khu B ( TP.HCM trước đây là TP. Dĩ An-Bình Dương). CN Hà nội ( Minh Hà )

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số tiên tiến vào chuyên môn cũng như trong sản xuất.

6. Tiếp tục duy trì thương hiệu Gendai trong thị trường nội địa. Tăng cường mở rộng kênh bán hàng online để tăng nhận diện thương hiệu.

### **III. Giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ năm 2026.**

#### **Lấy trọng tâm phát triển năng lực sản xuất tại nhà máy mới – Cần thơ.**

1. Thực hiện dự án đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư thiết bị công nghệ cao theo mô hình Nhà máy Xanh, sử dụng năng lượng tái tạo đáp ứng xu thế phát triển chung của thế giới , của quốc gia ,của ngành với tiêu chí: tăng năng suất lao động – tiết kiệm – hiệu quả.
2. Tập trung cao độ cho công tác tuyển dụng, đào tạo lao động tại nhà máy mới . Phối kết hợp đào tạo với Trung Tâm Giáo dục nghề nghiệp & Giáo dục thường xuyên địa phương ; với Trường Cao đẳng nghề TP.HCM, luân chuyển cán bộ khung từ các khu vực khác hỗ trợ tăng cường ....nhằm đảm bảo đủ nguồn nhân lực, đủ khả năng vận hành ổn định khi nhà máy mới đi vào hoạt động.
3. Tiếp tục tập trung nghiên cứu: thị trường; định hướng về giải pháp quản trị hệ thống linh hoạt, bắt kịp xu thế chuyển dịch thị trường và tình hình khách hàng, cơ cấu mặt hàng chủ lực từng giai đoạn, từng nhà máy. Chuyển đổi nhanh sản phẩm sản xuất, sẵn sàng thích ứng linh hoạt mọi tình huống với sản phẩm mới; nâng cao năng suất từ 5-10% bên cạnh chất lượng phải duy trì, khẳng định chất lượng của Công ty với uy tín vốn có.
4. Tiếp tục ,nghiên cứu ứng dụng công nghệ số trong công tác quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh, cải tiến phương pháp làm việc, tiết kiệm chi phí, nguồn nhân lực, trẻ hóa đội ngũ cán bộ quản lý ... tạo sự đột phá mới toàn diện trong mọi hoạt động của Công ty.Thí điểm từ Nhà máy mới ,sau khi ổn định vận hành thì tiếp tục tiến hành thay thế quy trình cũ tại các đơn vị hiện hữu nhằm giảm tối đa nguồn nhân lực các khâu gián tiếp.
5. Hoàn thiện công tác quản trị rủi ro, nhận diện rủi ro và có các biện pháp dự phòng rủi ro trong hoạt động tài chính.



6. Tập trung quy hoạch chỉnh trang các khu vực( *chủ yếu trong năm 2026*), khai thác hiệu quả quỹ đất trống để tăng doanh thu.

+Khu A( 440 Nơ Trang Long –TPHCM ) : hoàn thiện Hệ thống xử lý nước thải ( theo tiêu chuẩn và quy định nhà nước ), Nhà ăn CBCNV, Khu vực để xe ... sau khi trả mặt bằng xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm ( *nhà ăn,nhà xe, bể xử lý nước thải... hiện hữu* ) .

+Tiếp tục đàm phán , tranh thủ sự giúp đỡ của chính quyền địa phương tại Hải Phòng ( XN Minh Hải); về việc gia hạn nhà máy sản xuất tại vị trí hiện hữu ( *chưa di dời sang Khu Công nghiệp*) nhằm hạn chế sự bất ổn cho SX và tăng chi phí chưa cần thiết

+Tiếp tục hoàn thiện pháp lý gia hạn thuê đất tại Minh hà ( CN Hà nội).Khi có quyết định gia hạn thuê đất thì BĐH sẽ báo cáo HĐQT , ĐHĐCĐ giải pháp tiếp theo về việc khai thác quỹ đất nói trên ( *tại lần ĐH kỳ tới hoặc lấy ý kiến bằng văn bản* ) .

+Tiếp tục tìm đối tác , đàm phán , tính toán hiệu quả khai thác tối đa quỹ đất chưa sử dụng tại Khu B . BĐH sẽ báo cáo HĐQT , ĐHĐCĐ theo Điều lệ quy định khi có giải pháp , phương án hiệu quả nhất ( *tại lần ĐH kỳ tới hoặc lấy ý kiến bằng văn bản*)

7. Duy trì văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc đoàn kết, thân thiện, hiệu quả, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của nhà nước.
8. Tiếp tục lan tỏa thương hiệu Gendai tại nhiều trung tâm thương mại ở các thành phố lớn, tập trung các giải pháp truyền thông , bán hàng qua mạng ....để ổn định , phát triển thương hiệu.

Trên đây là toàn bộ nội dung kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch, định hướng , giải pháp cho năm 2026 ; kính mong được sự xem xét, thảo luận và biểu quyết của Đại hội.

### ***Thưa quý vị Cổ đông !***

Trên cơ sở Quyết nghị của Đại hội, HĐQT sẽ tiếp tục cụ thể hóa bằng các Nghị quyết; chỉ đạo, giám sát cơ quan Điều hành thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026.

Thay mặt HĐQT xin trân trọng cảm ơn những nỗ lực lớn lao của CBCNV, người lao động đã góp phần quan trọng vào sự ổn định của Công ty trong năm qua. HĐQT Công ty mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó và đồng thuận của Quý Cổ đông, người lao động của Công ty trong thời gian tới.

Thay mặt HĐQT Công ty CP May Bình Minh xin cảm ơn tất cả Quý cổ đông đã đóng góp và xây dựng để Công ty ngày càng phát triển.

Trân trọng gửi tới toàn thể Quý vị Đại biểu, Quý Cổ đông lời chúc Sức khỏe – Hạnh phúc, chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

Võ Quốc Hào



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2026



## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

### Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần May Bình Minh

Kính gửi:

- Đại hội đồng Cổ đông
- Hội đồng Quản trị Công ty CP May Bình Minh

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP May Bình Minh;

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty CP May Bình Minh;

Căn cứ vào luật kế toán, các quy định về chế độ tài chính kế toán hiện hành và các chuẩn mực kế toán Việt Nam;

Căn cứ vào Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty CP May Bình Minh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) phát hành ngày 05/02/2026. Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát kiểm tra về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 xin báo cáo với Đại hội cụ thể như sau:

#### I. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025:

ĐVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu                         | Thực hiện năm 2024 | Năm 2025       |                | So sánh       |               |
|----------------------------------|--------------------|----------------|----------------|---------------|---------------|
|                                  |                    | Kế hoạch       | Thực hiện      | TH/Cùng kỳ    | Tỷ lệ %       |
|                                  | 1                  | 2              | 3              | 4=3-1         | 5=3:1         |
| <b>1. Tổng doanh thu (tr. đ)</b> | <b>279.767</b>     | <b>330.000</b> | <b>299.093</b> | <b>19.327</b> | <b>106,9%</b> |
| Doanh thu thuần                  | 275.980            |                | 295.941        | 19.961        | 107,2%        |
| Doanh thu hoạt động tài chính    | 3.232              |                | 3.116          | (116)         | 96,4%         |
| Thu nhập khác                    | 555                |                | 36             | (519)         | 6,5%          |
| <b>2. Chi phí (tr.đ)</b>         | <b>263.321</b>     |                | <b>279.881</b> | <b>16.560</b> | <b>106,3%</b> |
| Giá vốn hàng bán                 | 226.405            |                | 240.997        | 14.591        | 106,4%        |
| Chi phí hoạt động tài chính      | 521                |                | 253            | (267)         | 48,6%         |
| trong đó: chi phí lãi vay        | 136                |                | 174            | 38            | 127,9%        |
| Chi phí bán hàng                 | 7.450              |                | 6.953          | (497)         | 93,3%         |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp     | 28.806             |                | 31.523         | 2.716         | 109,4%        |
| Chi phí khác                     | 139                |                | 156            | 17            | 112,2%        |



| Chỉ tiêu                                      | Thực hiện năm 2024 | Năm 2025      |               | So sánh      |               |
|-----------------------------------------------|--------------------|---------------|---------------|--------------|---------------|
|                                               |                    | Kế hoạch      | Thực hiện     | TH/Cùng kỳ   | Tỷ lệ %       |
| <b>3. Lợi nhuận (tr. đ)</b>                   |                    |               |               |              |               |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                   | <b>16.446</b>      | <b>18.000</b> | <b>19.212</b> | <b>2.767</b> | <b>116,8%</b> |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD                       | 16.029             |               | 19.332        | 3.302        | 120,6%        |
| Lợi nhuận khác                                | 416                |               | (119)         | (536)        | -             |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                     | <b>13.133</b>      |               | <b>15.333</b> | <b>2.199</b> | <b>116,7%</b> |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)               | 2.234              |               | 2.608         | 374          | 116,7%        |
| Mệnh giá (đồng)                               | 10.000             |               | 10.000        | -            | -             |
| <b>4. Lao động và thu nhập</b>                |                    |               |               |              |               |
| Lao động bình quân (người)                    | 610                |               | 604           | (6)          | 99%           |
| Thu nhập B/Q (tr.đ/ng/tháng)                  | 11,56              |               | 13,97         | 2,4          | 120,8%        |
| <b>5. Phân tích tỷ lệ lợi nhuận – chi phí</b> |                    |               |               |              |               |
| - Tỷ suất lợi nhuận /Vốn ĐTCSH                | 24,82%             |               | 28,97%        |              |               |
| - Giá vốn/Doanh thu thuần                     | 82,04%             |               | 81,43%        |              |               |
| - Chi phí hoạt động TC/DT thuần               | 0,19 %             |               | 0,08%         |              |               |
| - Chi phí bán hàng/DT thuần                   | 2,7%               |               | 2,35%         |              |               |
| - Chi phí quản lý/Doanh thu thuần             | 10,44%             |               | 10,65%        |              |               |

#### Nhận xét:

Năm 2025, Công ty duy trì được đà tăng trưởng tích cực, hiệu quả từ hoạt động xuất kinh doanh được cải thiện và đạt được những kết quả khả quan, cụ thể như sau:

- **Tổng doanh thu:** năm 2025 đạt 299.093 triệu đồng, bằng 90,6 % so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao và tăng 6,9%, tương đương 19.327 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2024.
- ✓ Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2025 đạt 295.941 triệu đồng, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2024, cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục phát triển và duy trì mức tăng trưởng ổn định. Chi tiết doanh thu như sau:

ĐVT: triệu đồng

| Doanh thu                             | Năm 2024       | Năm 2025       | So sánh năm 2025/năm 2024 |
|---------------------------------------|----------------|----------------|---------------------------|
| Doanh thu FOB                         | 195.760        | 202.184        | 6.424                     |
| Doanh thu gia công                    | 55.678         | 74.979         | 19.301                    |
| Doanh thu nội địa                     | 7.800          | 4.804          | (2.997)                   |
| Doanh thu khác                        | 16.742         | 13.974         | (2.767)                   |
| <i>Trong đó DT cho thuê nhà xưởng</i> | <i>10.810</i>  | <i>10.178</i>  | <i>(632)</i>              |
| <b>Tổng cộng</b>                      | <b>275.980</b> | <b>295.940</b> | <b>19.961</b>             |

- ✓ Doanh thu hoạt động tài chính năm 2025 đạt 3.116 triệu đồng, bằng 96,4% so với cùng kỳ năm 2024, giảm tương đương 116 triệu đồng, cụ thể như sau:

| Chỉ tiêu          | ĐVT     | Năm 2024     | Năm 2025     | So sánh năm 2025/năm 2024 |
|-------------------|---------|--------------|--------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi      | Tr.đồng | 2.465        | 1.107        | (1.358)                   |
| Chênh lệch tỷ giá | Tr.đồng | 767          | 2.009        | 1.242                     |
| <b>Cộng</b>       |         | <b>3.232</b> | <b>3.116</b> | <b>(116)</b>              |

- **Tổng chi phí:** năm 2025 là 279.881 triệu đồng, tăng 16.560 triệu đồng, tăng tương đương 6,3% so với năm 2024.

- ✓ Giá vốn hàng bán: 240.997 triệu đồng, tăng 14.591 triệu đồng, tăng tương đương 6,4% so với cùng kỳ năm 2024, phù hợp với mức tăng của doanh thu, chi phí giá vốn chiếm 81,43% /doanh thu thuần.
- ✓ Chi phí bán hàng: 6.953 triệu đồng, bằng 93,3%, giảm tương đương 413 triệu đồng so với cùng kỳ.
- ✓ Chi phí quản lý doanh nghiệp: 31.523 triệu đồng, tăng 2.716 triệu đồng tăng tương đương 9,4% so với cùng kỳ.

- **Lợi nhuận:**

- ✓ Lợi nhuận trước thuế: đạt 19.212 triệu đồng, vượt 6,7% so với kế hoạch được ĐHCĐ giao và tăng 16,8% so với cùng kỳ năm 2024, tăng tương đương 2.767 triệu đồng.

- **Về thu nhập và tiền lương:**

- ✓ Tình hình thu nhập tiền lương:

- Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2025 (bao gồm: lương + thưởng + BHXH trả thay lương và tiền ăn) là: 13.971.040 đồng/người/tháng, tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2024 (11.562.235 đồng/người/tháng).
- Tổng số lao động bình quân năm 2025 là 604 người, bằng 99% so với cùng kỳ năm 2024, giảm 6 người so với năm 2024 (LĐBQ năm 2024 là 610 người).

- **Chi phí hoạt động, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban QHCD năm 2025:**

Trong năm Công ty đã quyết toán chi phí hoạt động, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, và Ban QHCD với tổng số tiền là 897.280.000 đồng (bằng 0,3% tổng doanh thu thực hiện năm 2025) theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua và số thù lao đã chi trong năm 2025 cụ thể như sau:



| Nội dung                 | ĐVT     | HDQT | BKS | BQHCD | Tổng cộng |
|--------------------------|---------|------|-----|-------|-----------|
| - Số người               | Người   | 5    | 3   | 2     | 10        |
| - KP hoạt động, thù lao. | Tr.đồng | 488  | 153 | 14,4  | 655,4     |

- **Tình hình thực hiện kế hoạch 2025:**

ĐVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu             | Năm 2024 | Kế hoạch năm 2025 (NQ ĐHĐCĐ) | Năm 2025 | Tỉ lệ % so với năm 2024 | Tỉ lệ % so kế hoạch |
|----------------------|----------|------------------------------|----------|-------------------------|---------------------|
|                      | 1        | 2                            | 3        | 4=3:1                   | 5=3:2               |
| Doanh thu            | 279.767  | 330.000                      | 299.093  | 106,9%                  | 90,63%              |
| Chi phí              | 263.321  |                              | 279.881  | 106,3%                  | -                   |
| Lợi nhuận trước thuế | 16.446   | 18.000                       | 19.212   | 116,8%                  | 106,73%             |

**II. Tình hình tài chính năm 2025:**

ĐVT: triệu đồng

| STT                           | Chỉ tiêu                           | 01/01/2025     | 31/12/2025     | So sánh       |               | % Tổng TS   |             |
|-------------------------------|------------------------------------|----------------|----------------|---------------|---------------|-------------|-------------|
|                               |                                    |                |                | CL            | %             | 01/01/2025  | 31/12/2025  |
|                               |                                    | 1              | 2              | 3=2-1         | 4=2:1         | 5           | 6           |
|                               | <b>TÀI SẢN</b>                     | <b>178.467</b> | <b>190.253</b> | <b>11.786</b> | <b>106,6%</b> | <b>100%</b> | <b>100%</b> |
| A                             | Tài sản ngắn hạn                   | 110.968        | 113.468        | 2.500         | 102,3%        | 62,1%       | 59,6%       |
| I                             | Tiền và các khoản tương đương tiền | 19.155         | 11.934         | (7.221)       | 62,3%         | 10,7%       | 6,3%        |
| II                            | Đầu tư tài chính ngắn hạn          | 20.020         | 335            | (19.685)      | 1,7%          | 11,2%       | 0,2%        |
| III                           | Phải thu ngắn hạn                  | 20.608         | 36.164         | 15.555        | 175,5%        | 11,5%       | 19%         |
| Trong đó: Phải thu khách hàng |                                    | 19.812         | 16.434         | (3.378)       | 83%           | 11,1%       | 8,6%        |
|                               | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | -              | -              | -             |               |             |             |
|                               | Trả trước người bán                | 288            | 19.379         | 19.091        | 6723%         | 0,16%       | 10,2%       |
| IV                            | Hàng tồn kho                       | 45.157         | 52.315         | 7.159         | 115,8%        | 25,3%       | 27,5%       |
|                               | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho     | -              | -              | -             |               |             |             |
| V                             | Tài sản ngắn hạn khác              | 6.028          | 12.720         | 6.691         | 211%          | 3,4%        | 6,7%        |
| B                             | Tài sản dài hạn                    | 67.499         | 76.785         | 9.286         | 113,7%        | 37,8%       | 40,4%       |
| I                             | Phải thu dài hạn                   | 388            | 368            | (20)          | 94,8%         | 0,2%        | 0,2%        |
| II                            | Tài sản cố định                    | 28.743         | 29.838         | 1.095         | 103,8%        | 16,1%       | 15,7%       |
| III                           | Bất động sản đầu tư                | -              | -              | -             |               |             |             |
| IV                            | Tài sản dở dang dài hạn            | 15.584         | 25.082         | 9.498         | 160,9%        | 8,7%        | 13,1%       |
| V                             | Đầu tư tài chính dài hạn           | 623            | 544            | (80)          | 87,2%         | 0,35%       | 0,3%        |

| STT | Chỉ tiêu                                   | 01/01/2025     | 31/12/2025     | So sánh       |               | % Tổng TS   |             |
|-----|--------------------------------------------|----------------|----------------|---------------|---------------|-------------|-------------|
|     |                                            |                |                | CL            | %             | 01/01/2025  | 31/12/2025  |
|     | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | (77)           | (156)          | (79,6)        | 204%          |             |             |
| V   | Tài sản dài hạn khác                       | 22.160         | 20.953         | (1.207)       | 94,5%         | 12,4%       | 11%         |
|     | <b>NGUỒN VỐN</b>                           | <b>178.467</b> | <b>190.253</b> | <b>11.786</b> | <b>106,6%</b> | <b>100%</b> | <b>100%</b> |
| A   | Nợ phải trả                                | 63.443         | 69.148         | 5.705         | 109%          | 35,6%       | 36,4%       |
| I   | Nợ ngắn hạn                                | 61.243         | 66.988         | 5.745         | 109,4%        | 34,3%       | 35,2%       |
|     | Tr. đó: Phải trả người bán                 | 22.654         | 22.335         | (319)         | 98,6%         | 12,7%       | 11,7%       |
|     | Phải trả người LĐ                          | 27.484         | 29.951         | 2.467         | 109%          | 15,4%       | 15,7%       |
|     | Phải trả phải nộp khác                     | 4.261          | 4.560          | 298           | 107%          | 2,4%        | 2,4%        |
|     | Vay ngắn hạn                               | -              | -              | -             |               |             |             |
| II  | Nợ dài hạn                                 | 2.200          | 2.160          | (40)          | 98,2%         | 1,2%        | 1,1%        |
|     | Trong đó: Vay dài hạn                      | -              | -              | -             |               |             |             |
| B   | Vốn chủ sở hữu                             | 115.024        | 121.105        | 6.081         | 105,3%        | 64,4%       | 63,6%       |
| I   | Vốn góp của chủ sở hữu                     | 52.920         | 52.920         | -             | 100%          | 29,7%       | 27,8%       |
| II  | Quỹ đầu tư phát triển                      | 48.970         | 52.853         | 3.882         | 107,9%        | 27,4%       | 27,8%       |
| III | Lợi nhuận sau thuế chưa PP                 | 13.133         | 15.333         | 2.199         | 116,7%        | 7,4%        | 8%          |

### Nhận xét tình hình tài chính:

- Một số chỉ số tài chính cơ bản như sau:

| TT | Chỉ tiêu                                                  | Tại ngày<br>31/12/2025 | Tại ngày<br>01/01/2025 |
|----|-----------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| 1  | Hệ số thanh toán ngắn hạn = TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (lần) | 1,69                   | 1,81                   |
| 2  | Hệ số nợ / TTS = Tổng nợ/Tổng tài sản (lần)               | 0,36                   | 0,36                   |
| 3  | Hệ số nợ / VCSH = Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)            | 0,57                   | 0,55                   |
| 4  | Ngày thu tiền bình quân (ngày)                            | 35                     | 33                     |
| 5  | Ngày trả tiền bình quân (ngày)                            | 98                     | 94                     |

- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 là 1,69 lần > 1 thể hiện khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty đảm bảo. Tuy nhiên, so với đầu năm giảm từ 1,81 xuống 1,69 lần, chủ yếu do giảm số dư tiền có gửi kỳ hạn và sử dụng nguồn tiền này cho việc thanh toán các khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản.
- Hệ số nợ/ Vốn Chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025 là 0,57 lần, chỉ số này thấp.

### 1. Công nợ phải thu:

- Công nợ phải thu ngắn hạn tại ngày 31/12/2025: 36.164 triệu đồng, tăng 75,5% so với đầu năm 2025, tăng tương đương: 15.555 triệu đồng. Trong đó phải thu



khách hàng 16.434 triệu đồng, bằng 86% so với đầu năm 2025, trả trước khách hàng 19.379 triệu đồng, tăng 6.722,8% so với đầu năm, chủ yếu do phát sinh các khoản thanh toán Dự án Hậu Giang (18.404 triệu đồng).

- Một số khách hàng có số dư nợ lớn như:

| TT | Khách hàng               | Số tiền (đồng) | Tình trạng nợ  |
|----|--------------------------|----------------|----------------|
| 1  | Kuraray Trading Co., LTD | 7.585.158.328  | Nợ luân chuyển |
| 2  | Sky Viewer Limited       | 2.522.588.456  | Nợ luân chuyển |
| 3  | Royne Co., LTD           | 1.804.718.762  | Nợ luân chuyển |
| 4  | Công ty Cổ phần KIOWAY   | 1.166.681.108  | Nợ luân chuyển |

- Toàn bộ các khoản công nợ phải thu khách hàng đều trong hạn thanh toán, không có nợ quá hạn. Công ty quản lý và thu hồi công nợ tốt.

## 2. Công nợ phải trả:

- Đến ngày 31/12/2025 nợ phải trả là: 69.148 triệu đồng tăng 9% so với đầu năm 2025, tăng tương đương 5.705 triệu đồng.
- Tại ngày 31/12/2025 công ty không có nợ vay.

## 3. Hàng tồn kho:

- Số dư hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2025 là 52.315 triệu đồng tăng 15,9% so với đầu năm 2025, tăng tương đương 7.159 triệu đồng.

|                             |                    |
|-----------------------------|--------------------|
| ✓ Nguyên liệu, vật liệu:    | 18.865 triệu đồng. |
| ✓ Công cụ, dụng cụ:         | 114 triệu đồng.    |
| ✓ Chi phí sản xuất dở dang: | 13.573 triệu đồng. |
| ✓ Thành phẩm:               | 16.569 triệu đồng. |
| ✓ Hàng tại cửa hàng:        | 3.195 triệu đồng.  |

- Tình hình sản lượng sản xuất và tiêu thụ, tồn kho thành phẩm nội địa như sau:

| Nội dung     | Tồn kho<br>01/01/2025 |                 | Sản Xuất<br>năm 2025 |                 | Tiêu thụ<br>năm 2025 |                 | Tồn kho<br>31/12/2025 |                 |
|--------------|-----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|              | Số                    | Giá trị         | Số                   | Giá trị         | Số                   | Giá trị         | Số                    | Giá trị         |
|              | lượng<br>(sp)         | (triệu<br>đồng) | lượng<br>(sp)        | (triệu<br>đồng) | lượng<br>(sp)        | (triệu<br>đồng) | lượng<br>(sp)         | (triệu<br>đồng) |
| Hàng nội địa | 26.859                | 3.237           | 17.077               | 2.910           | 21.163               | 2.952           | 22.773                | 3.195           |

- Tại ngày 31/12/2025 hàng nội địa tồn kho là 22.773 sản phẩm, tương đương giá trị 3.195 triệu đồng. Toàn bộ số thành phẩm tồn kho là hàng đang tiêu thụ tại các cửa hàng, không có hàng chậm luân chuyển.
- Năm 2025 kinh doanh hàng nội địa lãi: 509 triệu đồng.

## 4. Đầu tư mua sắm TSCĐ:

- Đầu tư mua sắm TSCĐ năm 2025 là: 4.388 triệu đồng, trong đó: Khu A: 463 triệu đồng, Khu B: 2.815 triệu đồng (*lắp đặt mới hệ thống PCCC tại kho cũ:*

2.641 triệu đồng), Minh Hải: 197 triệu đồng, Minh Long (DA Hậu Giang): 30 triệu đồng.

- Cơ cấu sử dụng tài sản tại ngày 31/12/2025:

ĐVT: Triệu đồng

| Tài sản cố định        | Nguyên giá<br>(NG) | Giá trị còn lại<br>(GTCL) | Tỷ trọng<br>GTCL | Tỷ lệ<br>GTCL/NG |
|------------------------|--------------------|---------------------------|------------------|------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 50.198             | 15.800                    | 76,6%            | 31,5%            |
| Máy móc thiết bị       | 41.773             | 3.731                     | 18,1%            | 8,9%             |
| Phương tiện vận tải    | 3.126              | 1.065                     | 5,2%             | 34%              |
| Thiết bị quản lý       | 582                | 22                        | 0,1%             | 3,8%             |
| <b>Tổng cộng:</b>      | <b>95.679</b>      | <b>20.618</b>             | <b>100%</b>      | <b>21,59%</b>    |

- Tại ngày 31/12/2025 giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình: 20.618 triệu đồng, trong đó; máy móc thiết bị 3.731 triệu đồng, tỷ trọng MMTB để sinh ra giá trị gia tăng chiếm 18,1%, tỷ lệ GTCL của MMTB thấp, chỉ chiếm 8,9% nguyên giá. Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn sử dụng 65.863 triệu đồng.

#### 5. Đầu tư tài chính dài hạn:

- Công ty đã đầu tư góp vốn 700 triệu đồng vào Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An, tương đương 0,63% vốn điều lệ của Công ty Bình An (vốn điều lệ 111 tỷ đồng).
- Theo báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán, Công ty Bình An phát sinh lỗ 12.625 triệu đồng; lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2025 là 24.765 triệu đồng. Trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi khoản đầu tư và theo tỷ lệ vốn góp tại ngày 31/12/2025, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư với số tiền 156 triệu đồng, trong đó số trích bổ sung trong năm 2025 là 79 triệu đồng.

#### 6. Đầu tư xây dựng cơ bản:

##### Xây dựng Nhà máy mới tại Hậu Giang:

- Ban Điều hành đang triển khai thực hiện theo Nghị Quyết số 04/2019 NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2019 được ĐHĐCĐ thông qua.
- Đồng thời, căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 25/06/2025 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt tổng dự toán xây dựng công trình CN Công ty Cổ phần May Bình Minh tại Hậu Giang – Xí nghiệp May Minh Long, với các nội dung chính như sau:
  - ✓ Tổng mức đầu tư: 141.250 triệu đồng.
  - ✓ Nguồn vốn đầu tư:
    - Vốn tự có: 42.400 triệu đồng.
    - Vay vốn ngân hàng thương mại: 98.500 triệu đồng.



- ✓ Công ty đã hoàn tất nghĩa vụ trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê 50 năm với tổng giá trị 21.304 triệu đồng. Khoản chi phí này đã được phân bổ vào chi phí từ quý IV/2023, số dư chưa phân bổ tại ngày 31/12/2025 là 20.363 triệu đồng. Bên cạnh đó, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án tại thời điểm này là 25.081 triệu đồng.
- ✓ Hiện nay, Ban Điều hành và Ban Quản lý dự án đang tiếp tục triển khai thực hiện dự án theo kế hoạch.
- ✓ Về nguồn vốn đầu tư: tại ngày 31/12/2025, Công ty sử dụng nguồn vốn tự có để thực hiện dự án số tiền: 64.789 triệu đồng và chưa phát sinh nhu cầu sử dụng vốn vay.

#### 7. Tình hình vốn điều lệ và cổ đông:

- Vốn điều lệ được duyệt và đã phát hành đến thời điểm 31/12/2025 là:

|                                         | Số cổ phiếu | Số tiền             |
|-----------------------------------------|-------------|---------------------|
| Vốn cổ phần đăng ký phát hành           | 5.292.000   | 52.920.000.000 đồng |
| Vốn cổ phần đã phát hành (CP phổ thông) | 5.292.000   | 52.920.000.000 đồng |
| Số cổ phiếu lưu hành (CP phổ thông)     | 5.292.000   | 52.920.000.000 đồng |
| <i>Trong đó:</i>                        |             |                     |
| - Tập đoàn Dệt May Việt Nam             | 1.323.000   | 13.230.000.000 đồng |
| - Cty TNHH Domex                        | 529.200     | 5.292.000.000 đồng  |
| - Bà Phạm Thị Hoa                       | 264.600     | 2.646.000.000 đồng  |
| - Ông Nguyễn Ngọc Hải                   | 264.600     | 2.646.000.000 đồng  |
| - Ông Tu Yen Hsien                      | 264.600     | 2.646.000.000 đồng  |
| - Cổ đông khác                          | 2.646.000   | 26.460.000.000 đồng |

#### III. Về tính trung thực và hợp lý của số liệu:

- Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần May Bình Minh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA). Theo báo cáo kiểm toán, đơn vị kiểm toán đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.
- Ban Kiểm soát đã xem xét các báo cáo, tài liệu liên quan và nhận thấy các số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty theo báo cáo của Tổng Giám đốc được trình bày đầy đủ, trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu.
- Công tác kế toán tại Công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và các quy chế quản lý nội bộ. Hệ thống sổ sách kế toán, chứng từ liên quan được ghi chép, hạch toán, luân chuyển và lưu trữ tương đối đầy đủ, đảm bảo phục vụ cho công tác quản lý và kiểm tra, giám sát.
- Tình hình tài chính của Công ty cơ bản được kiểm soát tốt. Các khoản công nợ phát sinh chủ yếu là công nợ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và mang tính chất luân chuyển, không phát sinh các khoản nợ có rủi ro lớn ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Công ty.
- Việc trích lập các quỹ theo quy định và trích khấu hao tài sản cố định được Công ty thực hiện đầy đủ, đúng chế độ qui định.



#### **IV. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành:**

##### **1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quý nhằm đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời triển khai và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức đúng quy định của Điều lệ Công ty, có sự tham dự của Trưởng Ban Kiểm soát.
- Tài liệu phục vụ các cuộc họp được chuẩn bị và gửi đến các thành viên đầy đủ, đúng thời hạn. Các thành viên HĐQT đã chủ động nghiên cứu trước nội dung và có nhiều ý kiến đóng góp tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả các quyết định quản trị.
- Trong năm, HĐQT đã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo sát sao hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên các lĩnh vực, kịp thời đưa ra các chủ trương và giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra ổn định và hiệu quả.

##### **Thành phần Hội đồng quản trị trong năm 2025:**

Ông Võ Quốc Hào – Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 28/04/2025)  
Ông Lê Mạc Thuần – Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 28/04/2025)  
Ông Nguyễn Ngọc Hải -Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 28/04/2025)  
Bà Nguyễn Thị Thắng – Thành viên HĐQT  
Ông Hồ Thanh Lâm- Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 28/04/2025)  
Bà Nguyễn Thị Thu Nhung – Thành viên HĐQT  
Bà Vũ Thị Thùy Dương – Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 28/04/2025)

##### **2. Về công tác quản lý điều hành của Tổng giám đốc:**

- Trong năm 2025, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã thực hiện công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách linh hoạt, chủ động với tinh thần trách nhiệm cao, thận trọng và hiệu quả; đồng thời kịp thời triển khai các giải pháp nhằm duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát ghi nhận rằng trong năm qua không phát sinh các vấn đề bất thường trong hoạt động quản lý, điều hành của các thành viên Ban Tổng Giám đốc.

##### **Cơ quan điều hành của Công ty:**

|                   |                   |
|-------------------|-------------------|
| Ông Võ Quốc Hào   | Tổng Giám đốc     |
| Ông Hồ Thanh Lâm  | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Vũ Đình Nghĩa | Phó Tổng Giám đốc |

##### **3. Về tính tuân thủ quy định nội bộ và pháp luật:**

- Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty đã tuân thủ



các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Đối chiếu với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025, Ban Kiểm soát nhận thấy:
  - ✓ Doanh thu thực hiện đạt 299.093 triệu đồng, tương đương 90,63% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.
  - ✓ Lợi nhuận thực hiện vượt 6,7% kế hoạch đề ra.
  - ✓ Bên cạnh đó, Công ty đạt tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) 13%, (năm 2024 11,5%) và thực hiện chi trả cổ tức 15% cho cổ đông. Đây là kết quả thể hiện sự nỗ lực đáng ghi nhận của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn.

#### **4. Đánh giá về hoạt động của Ban Kiểm soát:**

- Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thành lập bầu ra gồm 3 người, trong đó có 1 Trưởng ban và 2 thành viên.
- Ban Kiểm soát đã ban hành Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ từng thành viên, xây dựng hệ thống biểu mẫu và báo cáo của Ban kiểm soát.
- Năm 2025 Ban Kiểm soát đã duy trì các hoạt động của mình theo đúng chức năng nhiệm vụ, tuân thủ theo Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của BKS.
- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của các thành viên được phân công trong ban, mỗi thành viên đều có tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể:
  - ✓ Giám sát chặt chẽ tình hình SXKD, tài chính của Công ty đồng thời có ý kiến đề xuất kịp thời với Ban Điều hành sau những lần kiểm tra.
  - ✓ Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm; báo cáo thẩm định tài chính gửi HĐQT.
  - ✓ Kiểm tra một số hợp đồng kinh tế nội và ngoại, các dạng hợp đồng dịch vụ, hợp đồng gia công ngoài có ý kiến đề xuất kịp thời, tránh tình trạng bất lợi về phía Công ty.
  - ✓ Tham gia đầy đủ các cuộc dự họp HĐQT.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự phối hợp và hỗ trợ tích cực từ các phòng ban của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện hiệu quả.

#### **V. Những Nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát:**

- Công ty duy trì được tình hình tài chính ổn định, đảm bảo cân đối nguồn vốn, không phát sinh các khoản nợ quá hạn, qua đó thể hiện khả năng tự chủ tài chính tốt.
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản nằm trong ngưỡng an toàn, công tác quản lý công nợ và dòng tiền được thực hiện hiệu quả, góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra ổn định.

## **VI. Kế hoạch công tác của BKS:**

- Quý I/2026 kiểm tra, kiểm soát các chỉ tiêu tài chính, hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.
- Quý II/2026 kiểm tra, kiểm soát, thẩm định báo cáo tài chính quý 1/2026 trình Hội đồng quản trị, kiểm tra các dạng hợp đồng kinh tế. Triển khai công tác thực địa tại Xí Nghiệp Minh Long Cần Thơ.
- Quý III/2026 kiểm tra, kiểm soát, thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026, kiểm tra các dạng Hợp đồng kinh tế .
- Quý IV/2026 kiểm tra, kiểm soát các chỉ tiêu tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 9 tháng năm 2026, báo cáo ước thực hiện năm 2026 trình Hội đồng đồng quản trị.
- Ngoài ra Ban kiểm soát còn kiểm tra đột xuất các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính toàn Công ty, các dự án đầu tư. Kiểm tra việc thực thi Nghị quyết Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông.

Trên đây là toàn bộ đánh giá về hoạt động kiểm soát của Công ty Cổ phần May Bình Minh năm 2025 xin báo cáo với Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Kính mong được sự góp ý chân thành của Quý vị.

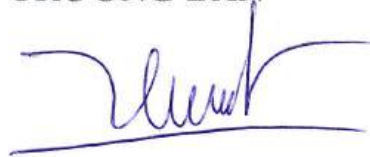
Kính chúc Quý vị mạnh khỏe, đoàn kết, chúc Công ty Cổ phần May Bình Minh ngày càng phát triển bền vững và thịnh vượng./.

Trân trọng.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Thắng**





## TỜ TRÌNH

V/v: “*Thông qua BCTC năm 2025 được kiểm toán độc lập – Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 – Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026*”

### Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty CPMay Bình Minh được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Căn cứ kết quả SX-KD của Công ty CP May Bình Minh năm 2025.
- Căn cứ Nghị quyết số: 06/HĐQT/2026 ngày 13/3/2026 của Hội Đồng Quản Trị Công ty.

HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần May Bình Minh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán Và Thẩm Định Giá Việt Nam (AVA).

2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

|                                      |   |                     |
|--------------------------------------|---|---------------------|
| - Lợi nhuận trước thuế năm 2025      | : | 19.212.267.076 đồng |
| - Thuế TNDN năm 2025                 | : | 3.879.614.617 đồng  |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN            | : | 15.332.652.459 đồng |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển 10%    | : | 1.533.265.246 đồng  |
| - Trích quỹ khen thưởng 5%           | : | 766.632.623 đồng    |
| - Trích quỹ phúc lợi 5%              | : | 766.632.623 đồng    |
| - Chia cổ tức bằng tiền mặt 15 % VDL | : | 7.938.000.000 đồng  |
| - Lợi nhuận còn lại chưa phân phối   | : | 4.328.121.967 đồng  |

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối 4.328.121.967 đồng ,được bổ sung vào quỹ Đầu tư phát triển Công ty.

3. Giao Ban Điều hành thực hiện phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 trước 31/5/2026.

4. Thông qua chi phí hoạt động, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký HĐQT và Ban Quan hệ cổ đông năm 2025 , cụ thể như sau:

-Tổng mức chi trả :  $0,3\% \times 299.093.371.012đ = 897.280.000$  đồng.

**5. Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026, chỉ đạo Ban Điều hành triển khai thực hiện việc kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.**

**5.1 Tiêu chí lựa chọn:**

- Là Công ty Kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026.

- Có kinh nghiệm kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng tại Việt Nam.

- Có uy tín trong lĩnh vực kiểm toán.

- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn tốt và nhiều kinh nghiệm trong việc kiểm toán lĩnh vực tương đồng với lĩnh vực hoạt động của công ty.

- Đáp ứng được yêu cầu về phạm vi kiểm toán, kế hoạch kiểm toán của công ty.

- Không có xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của công ty.

- Có mức phí kiểm toán phù hợp với phạm vi kiểm toán và kế hoạch kiểm toán của công ty.

**5.2 Danh sách các Công ty kiểm toán năm 2026 như sau:**

- Công Ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam (AFC)
- Công Ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam(AASCS).
- Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Thẩm Định Giá Việt Nam (AVA).
- Công ty TNHH Kiểm toán NVA (NVA)

**T/MHỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch**



**Võ Quốc Hào**



CÔNG TY CỔ PHẦN  
MAY BÌNH MINH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Số : 08/HĐQT/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2026

## TỜ TRÌNH

V/v: “*Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng giám đốc điều hành hoạt động Công ty*”

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty CP May Bình Minh được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Căn cứ Tình hình hoạt động SX-KD năm 2025 và chiến lược phát triển của Công ty nhiệm kỳ 2025-2030.
- Căn cứ Nghị quyết số: 06/HĐQT/2026 ngày 13/3/2026 của Hội Đồng Quản Trị Công ty( HĐQT).

HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua nội dung sau:

Giai đoạn 2025-2030 với chủ trương mở rộng năng lực sản xuất tại Cần thơ , chỉnh trang cơ sở các khu vực hiện hữu ( Bình Dương , Hà nội , Hải phòng, TP.HCM ) đồng thời phải đảm bảo sản xuất ổn định .

Trong giai đoạn này khi chưa tuyển được nhân sự Tổng giám đốc ( TGD) phù hợp thì chấp thuận Chủ tịch HĐQT được quyền kiêm TGD điều hành hoạt động SX-KD nhằm ổn định và thực hiện các chiến lược phát triển trong nhiệm kỳ được Đại hội đồng cổ đông giao ( *nội dung này sẽ được thông qua hàng năm tại các kỳ Đại hội thường niên nếu HĐQT chưa :chọn , tuyển , thuê , mướn được Tổng giám đốc* ) .

T/MHỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Võ Quốc Hào

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MAY BÌNH MINH**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Số: 09/HĐQT/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

**V/:”Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2030”**

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP May Bình Minh**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty CP May Bình Minh được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Văn bản số 88/TĐDMVN-QLNNL ngày 11/03/2026 về thay đổi nhân sự tham gia Ban Kiểm soát tại Công ty CP May Bình Minh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex);

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sau:

**1. Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

Do thay đổi nhân sự đại diện của cổ đông, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông:

Miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban Kiểm soát đối với:

Bà: **Hồ Đặng Ngọc Diễm**

Chức danh: Thành viên Ban Kiểm soát

Nhiệm kỳ: 2025-2030

Thời điểm miễn nhiệm: kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**2. Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát**

Căn cứ đề cử của cổ đông Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông:

Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030

Ứng viên: Bà **Nguyễn Thị Anh Thư**

Ngày sinh: 24/10/1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Đơn vị công tác: Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thời hạn nhiệm kỳ: thời gian còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát 2025-2030.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định đồng thuận ./

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch**



**Võ Quốc Hào**



**TẬP ĐOÀN DỆT MAY  
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **35** /QĐ-TĐDMVN

Hà Nội, ngày **11** tháng 03 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thay đổi nhân sự tham gia Ban Kiểm soát**  
**tại Công ty CP May Bình Minh**

**TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Nguồn nhân lực Tập đoàn,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Tập đoàn thống nhất thay đổi nhân sự tham gia Ban Kiểm soát tại Công ty CP May Bình Minh nhiệm kỳ 2025 - 2030 như sau:

1/ Đề bà Hồ Đặng Ngọc Diễm – chuyên viên Ban TCKT Tập đoàn thôi tham gia Ban Kiểm soát Công ty CP May Bình Minh;

2/ Đề cử bà Nguyễn Thị Anh Thư – Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán Tập đoàn tham gia Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2030.

**Điều 2.** Bà Hồ Đặng Ngọc Diễm có trách nhiệm bàn giao công việc Kiểm soát viên tại Công ty CP May Bình Minh sau khi Công ty hoàn tất các thủ tục pháp lý theo quy định hiện hành đối với sự thay đổi trên cho bà Nguyễn Thị Anh Thư.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Trưởng các ban chức năng Tập đoàn và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu VT, QLNNL, hồ sơ cán bộ.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TẬP ĐOÀN**  
**DỆT MAY**  
**VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
**Cao Hữu Hiếu**

**TẬP ĐOÀN DỆT MAY  
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **88** /TĐDMVN-QLNNL

Hà Nội, ngày **11** tháng **03** năm **2026**

V/v thay đổi nhân sự tham gia  
Ban kiểm soát Công ty

Kính gửi: Nhóm Người đại diện vốn Tập đoàn  
tại Công ty CP May Bình Minh

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam;

Căn cứ chủ trương của Tập đoàn về việc sắp xếp, kiện toàn đội ngũ cán bộ của Tập đoàn tham gia Ban Kiểm soát tại các doanh nghiệp;

Sau khi xem xét, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có ý kiến như sau:

1/ Thống nhất đề bà **Hồ Đặng Ngọc Diễm** – chuyên viên Ban Tài chính kế toán Tập đoàn thôi tham gia Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025-2030;

2/ Giới thiệu và đề cử bà **Nguyễn Thị Anh Thư** – Phó Trưởng ban TCKT Tập đoàn đề Đại hội đồng Cổ đông Công ty xem xét bầu vào Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 thay bà Hồ Đặng Ngọc Diễm (kèm theo Tóm tắt trích ngang bà Nguyễn Thị Anh Thư)

3/ Giao Nhóm Người đại diện vốn Tập đoàn làm việc với HĐQT Công ty để thực hiện các thủ tục theo quy định, đưa nội dung về việc miễn nhiệm thành viên BKS đối với bà Hồ Đặng Ngọc Diễm và bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát đối với bà Nguyễn Thị Anh Thư vào Chương trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty.

Đề nghị Nhóm Người đại diện vốn Tập đoàn tại Công ty triển khai thực hiện theo quy định và báo cáo kết quả về Tập đoàn. *KL*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT TĐ (để b/c);
- Ban KS Tập đoàn;
- Ban TCKT Tập đoàn;
- Lưu VT, QLNNL.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TẬP ĐOÀN**  
**DỆT MAY**  
**VIỆT NAM**  
*[Chữ ký]*  
**Cao Hữu Hiếu**



CÔNG TY CỔ PHẦN  
MAY BÌNH MINH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Số: 10/HĐQT/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

## TỜ TRÌNH

V/v: “Điều chỉnh ngành nghề hoạt động Sản xuất – Kinh doanh của Công ty”

Kính trình : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần may Bình Minh được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Căn cứ Nghị quyết số: 06/HĐQT/2026 ngày 13/3/2026 của Hội Đồng Quản Trị Công ty.

Từ ngày 15/11/2025, Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg về hệ thống ngành kinh tế Việt Nam chính thức có hiệu lực, thay thế Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg với nhiều thay đổi mới về ngành nghề kinh tế, là một công cụ phân loại thống kê nền tảng, được sử dụng thống nhất trong hoạt động thống kê nhà nước; xây dựng hệ thống đăng ký hành chính, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hoạt động quản lý nhà nước khác có liên quan.

Công ty là doanh nghiệp CP từ nhà nước, có vốn nhiều thành phần: nhà nước 25%, vốn nước ngoài trên 20%/VĐL, cá nhân, tổ chức... nên hoạt động được chi phối bởi Luật Doanh nghiệp, luật Đầu tư... và hiện nay có một số ngành nghề cần điều chỉnh (giảm) cho phù hợp theo quy định (*cụ thể chi tiết tại phụ lục đính kèm*).

Do đó nay HĐQT trình ĐHĐCĐ thống nhất điều chỉnh bổ sung, giảm bớt ngành nghề Sản xuất - Kinh doanh của Công ty cho phù hợp với luật hiện hành (QĐ: 36/2025/QĐ-TTg của Thủ Tướng chính phủ). Việc thay đổi trên không ảnh hưởng bất lợi nào đến sự ổn định hay phát triển của Công ty ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Võ Quốc Hào





## PHỤ LỤC I

(Đính kèm Nghị quyết số .../2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP May Bình Minh)

### I. NỘI DUNG BỔ SUNG, SỬA ĐỔI NGÀNH NGHỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

| STT | Ngành nghề kinh doanh trước điều chỉnh                                                                                        | Mã ngành trước điều chỉnh | Ngành nghề kinh doanh bổ sung, sửa đổi                                                                                              | Mã ngành sau điều chỉnh | Ghi chú                    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|
| 1   | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: tư vấn xây dựng                                              | 7110                      | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác   | 7110                    | Điều chỉnh theo QĐ 36/2025 |
| 2   | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng                                                                               | 4312                      | Chuẩn bị mặt bằng.<br>Chi tiết: Chuẩn bị mặt bằng                                                                                   | 4312                    | ...nt...                   |
| 3   | Khai thác quặng sắt<br>Chi tiết: Khai thác quặng                                                                              | 0710                      | Khai thác quặng sắt<br>Chi tiết: Khai thác quặng sắt                                                                                | 0710                    | ...nt...                   |
| 4   | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.<br>Chi tiết: Khai thác đất, đá, cát                                                          | 0810                      | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.<br>Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                       | 0810                    | ...nt...                   |
| 5   | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: dịch vụ bốc xếp hàng hóa                                                                        | 5224                      | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông, cảng hàng không và loại khác           | 5224                    | ...nt...                   |
| 6   | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.<br>Chi tiết: Bảo quản, chế biến hải sản (không hoạt động tại trụ sở) | 1020                      | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.<br>Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản khô, đông lạnh, nước mắm và các | 1020                    | ...nt...                   |



|    |                                                                                                                                                            |      |                                                                                                                                  |      |          |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
|    |                                                                                                                                                            |      | sản phẩm khác từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)                                                                           |      |          |
| 7  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Chi tiết: sản xuất, chế biến thực phẩm (trừ thực phẩm tươi sống)                                        | 1010 | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Chi tiết: chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt (trừ thực phẩm tươi sống) | 1010 | ...nt... |
| 8  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.<br>Chi tiết: dịch vụ giới thiệu việc làm                            | 7810 | Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm.<br>Chi tiết: Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm                    | 7810 | ...nt... |
| 9  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>Chi tiết: bảo quản, chế biến các loại lâm sản (không hoạt động tại trụ sở)                                               | 1610 | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>Chi tiết: Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở)                          | 1610 | ...nt... |
| 10 | Chế biến và bảo quản rau quả<br>Chi tiết: bảo quản, chế biến sau thu hoạch các loại nông sản (không hoạt động tại trụ sở)                                  | 1030 | Chế biến và bảo quản rau quả<br>Chi tiết: chế biến và bảo quản rau quả khác (không hoạt động tại trụ sở)                         | 1030 | ...nt... |
| 11 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.<br>Chi tiết: nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất các mặt hàng dệt may | 4659 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày       | 4659 | ...nt... |

|    |                                                                                                                                               |      |                                                                                                                                                                             |      |          |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
| 12 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.<br>Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô                                                            | 4933 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng                                                                                         | 4933 | ...nt... |
| 13 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở công ty)                                              | 5510 | Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự<br>Chi tiết: Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở công ty)                                               | 5510 | ...nt... |
| 14 | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy (không hoạt động tại trụ sở) | 1709 | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở) | 1709 | ...nt... |
| 15 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) ( <b>Ngành nghề kinh doanh chính</b> )<br>Chi tiết: sản xuất các sản phẩm dệt may              | 1410 | Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) ( <b>Ngành nghề kinh doanh chính</b> )<br>Chi tiết: Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                 | 1410 | ...nt... |
| 16 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính – kế toán)                         | 6619 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu                                            | 6619 | ...nt... |
| 17 | Xây dựng công trình đường sắt<br>Chi tiết: xây dựng công trình giao thông                                                                     | 4211 | Xây dựng công trình đường sắt<br>Chi tiết: Xây dựng công trình đường sắt.                                                                                                   | 4211 | ...nt... |



|    |                                                                                                                                                                                                                                          |      |                                                                                                                                                         |      |                                        |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------------------------|
| 18 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp                                                                                                                                        | 4299 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                      | 4299 | ...nt...                               |
| 19 | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: xây dựng công trình giao thông                                                                                                                                                                 | 4212 | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ                                                                                  | 4212 | ...nt...                               |
| 20 | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: kinh doanh các sản phẩm dệt may, xuất khẩu các sản phẩm dệt may, mua bán vải, giày dép, thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn, hàng may mặc, hàng da và giả da, túi, ví | 4641 | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn vải, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc, giày, dép. | 4641 | ...nt...                               |
| 21 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu.<br>Chi tiết: Môi giới thương mại                                                                                                                                | 7490 | Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán.<br>Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa; Môi giới chứng khoán; Môi giới khác                                 | 6612 | Thay đổi mã ngành nghề theo QĐ 36/2025 |
| 22 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: mua bán vật liệu xây dựng                                                                                                                                           | 4663 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                            | 4673 | ...nt...                               |
| 23 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại                                                                                                                  | 4669 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán                         | 4679 | ...nt...                               |

|    |                                                                                                                                                   |      |                                                                                                                                                                              |      |                                                            |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------|
|    | mạnh)                                                                                                                                             |      | buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu   |      |                                                            |
| 24 | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Bán mô tô, xe máy                                                                                                  | 4541 | Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy             | 4663 | ...nt...                                                   |
| 25 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                               | 4511 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn ô tô (trừ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác | 4661 | ...nt...                                                   |
| 26 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Sửa chữa, ô tô, xe máy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) | 4520 | Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác.                                                                  | 9531 | ...nt...                                                   |
| 27 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: mua bán sắt, thép                                                                                | 4662 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                          | 4672 | ...nt...                                                   |
| 28 | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch<br>Chi tiết: kinh doanh dịch vụ du                           | 7990 | Hoạt động liên quan đến du lịch khác<br>Chi tiết: Hoạt động liên quan đến du lịch khác ( <b>không kinh doanh dịch vụ lữ hành</b> )                                           | 7990 | Mục A.25 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 |



|    |                                                                                                                                                                                                         |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |                                                            |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------|
|    | lịch sử hành nội địa, quốc tế                                                                                                                                                                           |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |                                                            |
| 29 | Bưu chính.<br>Chi tiết: đại lý dịch vụ bưu chính, viễn thông                                                                                                                                            | 5310 | Bưu chính.<br>Chi tiết: Bưu chính ( <b>không thực hiện dịch vụ bưu chính công ích</b> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5310 | Mục A.13 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 |
| 30 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Mua bán đồ dùng gia đình, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, túi, ví, hàng điện tử, điện gia dụng. | 4649 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn đồ điện gia dụng.                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4649 | Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 |
| 31 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.<br>Chi tiết: kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà ở, cho thuê kho bãi                                         | 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.<br>Chi tiết: Mua bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê vận hành nhà ở và đất ở; Cho thuê và vận hành nhà và đất không để ở; Kinh doanh bất động sản khác ( <b>Không đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng</b> ) | 6810 | Mục A.7 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021  |

## II. NỘI DUNG XÓA BỎ NGÀNH NGHỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

| STT | Ngành nghề kinh doanh đề nghị xóa bỏ                                                                                                                                                              | Mã ngành | Lý do pháp lý                                             | Ghi chú                                                                   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Khai thác gỗ<br>Chi tiết: Khai thác rừng trồng                                                                                                                                                    | 0220     | Mục A.23 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 | <i>Nhà đầu tư nước ngoài chưa được phép tiếp cận đầu tư</i>               |
| 2   | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: đại lý ký gửi hàng hóa, dịch vụ đấu giá tài sản                                                                                                   | 4610     | Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 | <i>Nhà đầu tư nước ngoài chưa được phép tiếp cận đầu tư</i>               |
| 3   | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác | 4620     | Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 | <i>Nhà đầu tư nước ngoài chưa được quyền phân phối lúa, thóc, ngũ cốc</i> |



Số: 132/BCKT-TC/AVA.NV5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần May Bình Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Bình Minh, được lập ngày 05/02/2026, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

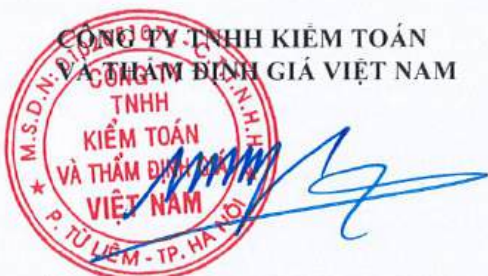
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Bình Minh tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Nguyễn Việt Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số  
0692-2023-126-1  
Hà Nội, ngày 5 tháng 2 năm 2026

A blue ink signature of the auditor, Bùi Xuân Nguyên.

---

**Bùi Xuân Nguyên**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số  
4029-2023-126-1



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                     | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2025             | 01/01/2025             |
|----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>113.467.882.537</b> | <b>110.968.220.994</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>11.934.241.483</b>  | <b>19.154.911.891</b>  |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 6.934.241.483          | 10.369.911.891         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 5.000.000.000          | 8.785.000.000          |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> | <b>V.2</b>  | <b>335.000.000</b>     | <b>20.020.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123        |             | 335.000.000            | 20.020.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>36.163.515.642</b>  | <b>20.608.414.391</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | V.3         | 16.433.525.084         | 19.811.658.957         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | V.4         | 19.379.480.104         | 288.261.676            |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | V.5         | 350.510.454            | 508.493.758            |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>V.7</b>  | <b>52.315.467.227</b>  | <b>45.156.721.479</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 52.315.467.227         | 45.156.721.479         |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>12.719.658.185</b>  | <b>6.028.173.233</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | V.8         | 275.131.089            | 48.006.000             |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |             | 11.534.960.782         | 5.980.167.233          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | V.14        | 909.566.314            | -                      |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>76.785.122.189</b>  | <b>67.498.628.752</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | <b>368.249.920</b>     | <b>388.249.920</b>     |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 216        | V.5         | 368.249.920            | 388.249.920            |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |             | <b>29.837.754.726</b>  | <b>28.743.093.812</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | V.9         | 20.618.352.942         | 19.162.146.860         |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 95.679.736.547         | 91.290.828.830         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                 | 223        |             | (75.061.383.605)       | (72.128.681.970)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227        | V.10        | 9.219.401.784          | 9.580.946.952          |
| - Nguyên giá                                 | 228        |             | 17.777.070.340         | 17.777.070.340         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                 | 229        |             | (8.557.668.556)        | (8.196.123.388)        |
| <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>          | <b>240</b> | <b>V.11</b> | <b>25.081.812.484</b>  | <b>15.583.656.615</b>  |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242        |             | 25.081.812.484         | 15.583.656.615         |
| <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>          | <b>250</b> | <b>V.2</b>  | <b>543.822.242</b>     | <b>623.441.122</b>     |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            | 253        |             | 700.000.000            | 700.000.000            |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)     | 254        |             | (156.177.758)          | (76.558.878)           |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>260</b> |             | <b>20.953.482.817</b>  | <b>22.160.187.283</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | V.8         | 20.953.482.817         | 22.160.187.283         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)</b>        | <b>270</b> |             | <b>190.253.004.726</b> | <b>178.466.849.746</b> |

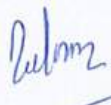
Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)

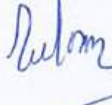
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                 | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2025             | 01/01/2025             |
|------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                    | <b>300</b> |             | <b>69.147.802.874</b>  | <b>63.442.956.247</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                    | <b>310</b> |             | <b>66.987.837.874</b>  | <b>61.242.991.247</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn           | 311        | V.12        | 22.334.629.280         | 22.653.990.277         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn     | 312        | V.13        | 5.684.626.269          | 3.290.485.548          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước   | 313        | V.14        | 1.403.535.515          | 824.431.009            |
| 4. Phải trả người lao động               | 314        |             | 29.951.082.937         | 27.483.878.037         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn             | 315        | V.15        | 2.221.176.318          | 868.977.866            |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                | 319        | V.16        | 4.559.667.988          | 4.261.430.630          |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi             | 322        |             | 833.119.567            | 1.859.797.880          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                    | <b>330</b> |             | <b>2.159.965.000</b>   | <b>2.199.965.000</b>   |
| 1. Phải trả dài hạn khác                 | 337        | V.16        | 2.159.965.000          | 2.199.965.000          |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>121.105.201.852</b> | <b>115.023.893.499</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                 | <b>410</b> | V.18        | <b>121.105.201.852</b> | <b>115.023.893.499</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                | 411        |             | 52.920.000.000         | 52.920.000.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a       |             | 52.920.000.000         | 52.920.000.000         |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển                 | 418        |             | 52.852.549.393         | 48.970.452.434         |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối     | 421        |             | 15.332.652.459         | 13.133.441.065         |
| - LNST chưa phân phối kỳ này             | 421b       |             | 15.332.652.459         | 13.133.441.065         |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)</b>  | <b>440</b> |             | <b>190.253.004.726</b> | <b>178.466.849.746</b> |

Người lập biểu

  
Trần Thị Đoan

Kế toán trưởng

  
Trần Thị Đoan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 2 năm 2026

Tổng Giám đốc

  
Võ Quốc Hào



Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2025

Đơn vị tính: VND  
Năm 2024

| CHỈ TIÊU                                                           | Mã số | Thuyết minh | Năm 2025        | Năm 2024        |
|--------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                          | 01    | VI.1        | 295.940.834.048 | 275.980.198.004 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)      | 10    |             | 295.940.834.048 | 275.980.198.004 |
| 3. Giá vốn hàng bán                                                | 11    | VI.2        | 240.996.713.363 | 226.405.394.994 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)        | 20    |             | 54.944.120.685  | 49.574.803.010  |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính                                   | 21    | VI.3        | 3.116.173.328   | 3.231.568.922   |
| 6. Chi phí tài chính                                               | 22    | VI.4        | 253.465.234     | 520.638.840     |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                                          | 23    |             | 173.846.354     | 136.158.555     |
| 7. Chi phí bán hàng                                                | 25    | VI.5        | 6.952.511.724   | 7.449.805.124   |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                    | 26    | VI.5        | 31.522.562.913  | 28.806.451.168  |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)} | 30    |             | 19.331.754.142  | 16.029.476.800  |
| 10. Thu nhập khác                                                  | 31    | VI.6        | 36.363.636      | 554.954.546     |
| 11. Chi phí khác                                                   | 32    | VI.7        | 155.850.702     | 138.840.877     |
| 12. Lợi nhuận khác (40=31-32)                                      | 40    |             | (119.487.066)   | 416.113.669     |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)                   | 50    |             | 19.212.267.076  | 16.445.590.469  |
| 14. Chi phí thuế TNDN hiện hành                                    | 51    | VI.9        | 3.879.614.617   | 3.312.149.404   |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)         | 60    |             | 15.332.652.459  | 13.133.441.065  |
| 16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)                                   | 70    | VI.10       | 2.608           | 2.234           |
| 17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)                                 | 71    | VI.11       | 2.608           | 2.234           |

Người lập biểu



Trần Thị Đoan

Kế toán trưởng



Trần Thị Đoan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 2 năm 2026

Tổng Giám đốc



Võ Quốc Hào

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                         | Mã số     | Thuyết minh | Năm 2025               | Năm 2024               |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                                |           |             |                        |                        |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                          | 01        |             | 19.212.267.076         | 16.445.590.469         |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản                                                                      |           |             |                        |                        |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                                                                         | 02        |             | 3.294.246.803          | 3.190.396.245          |
| - Các khoản dự phòng                                                                             | 03        |             | 79.618.880             | (150.047.171)          |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       | 04        |             | (419.369.901)          | (408.493.427)          |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                                    | 05        |             | (1.106.582.333)        | (3.019.934.329)        |
| - Chi phí lãi vay                                                                                | 06        |             | 173.846.354            | 136.158.555            |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 | 08        |             | 21.234.026.879         | 16.193.670.342         |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 09        |             | (22.385.958.546)       | 4.173.412.967          |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        | 10        |             | (7.158.745.748)        | (10.742.700.197)       |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        |             | 5.866.644.723          | 5.443.410.725          |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                   | 12        |             | 979.579.377            | 1.094.099.902          |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                              | 13        |             | -                      | -                      |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                            | 14        |             | (173.846.354)          | (136.158.555)          |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              | 15        |             | (3.410.566.410)        | (3.783.695.401)        |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                          | 16        |             | 232.422.500            | 220.090.500            |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                         | 17        |             | (2.572.444.919)        | (1.562.381.906)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                             | <b>20</b> |             | <b>(7.388.888.498)</b> | <b>10.899.748.377</b>  |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                                   |           |             |                        |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                | 21        |             | (13.710.441.518)       | (1.160.511.484)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                             | 22        |             | -                      | 554.954.546            |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác                                              | 23        |             | (18.405.000.000)       | (33.610.000.000)       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                  | 24        |             | 38.090.000.000         | 36.517.000.000         |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia                                                  | 27        |             | 1.478.828.194          | 2.268.187.198          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                                 | <b>30</b> |             | <b>7.453.386.676</b>   | <b>4.569.630.260</b>   |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                               |           |             |                        |                        |
| 1. Tiền thu từ đi vay                                                                            | 33        |             | 13.001.280.232         | 13.847.018.894         |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay                                                                           | 34        |             | (13.001.280.232)       | (15.136.004.677)       |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                       | 36        |             | (7.864.472.850)        | (7.864.472.850)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                              | <b>40</b> |             | <b>(7.864.472.850)</b> | <b>(9.153.458.633)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>                                              | <b>50</b> |             | <b>(7.799.974.672)</b> | <b>6.315.920.004</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>                                                           | <b>60</b> |             | <b>19.154.911.891</b>  | <b>12.093.331.210</b>  |
| <b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT</b>                                         | <b>61</b> |             | <b>579.304.264</b>     | <b>745.660.677</b>     |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>                                            | <b>70</b> |             | <b>11.934.241.483</b>  | <b>19.154.911.891</b>  |



Người lập biểu



Trần Thị Đoan

Kế toán trưởng



Trần Thị Đoan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 2 năm 2026

Tổng Giám đốc



Võ Quốc Hào